

UBND TỈNH QUẢNG NGÃI
BAN CHỈ HUY PHÒNG, CHỐNG
THIÊN TAI VÀ TKCN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 02/QĐ-PCTTTKCN Quảng Ngãi, ngày 17 tháng 8 năm 2021

QUYẾT ĐỊNH

**Ban hành Phương án Ứng phó thiên tai và Tìm kiếm cứu nạn
trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi năm 2021**

**TRƯỞNG BAN BAN CHỈ HUY PHÒNG CHỐNG THIÊN TAI
VÀ TÌM KIẾM CỨU NẠN TỈNH QUẢNG NGÃI**

Căn cứ Luật Phòng, chống thiên tai ngày 19/6/2013; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật phòng, chống thiên tai và Luật Đê điều ngày 17/6/2020;

Căn cứ Nghị định số 66/2021/NĐ-CP ngày 06/7/2021 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Phòng, chống thiên tai và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Phòng, chống thiên tai và Luật Đê điều;

Căn cứ Quyết định số 18/2021/QĐ-TTg ngày 22/4/2021 của Thủ tướng Chính phủ Quy định về dự báo, cảnh báo, truyền tin thiên tai và cấp độ rủi ro thiên tai;

Căn cứ Quyết định số 379/QĐ-TTg ngày 17/3/2021 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chiến lược Quốc gia phòng, chống thiên tai đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2050;

Căn cứ các Kế hoạch số: 288-KH/TU ngày 22/6/2020 của Tỉnh ủy, 96/KH-UBND ngày 03/8/2020 của UBND tỉnh thực hiện Chỉ thị số 42-CT/TW ngày 24/3/2020 của Ban Bí thư Trung ương Đảng về tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với công tác phòng ngừa, ứng phó và khắc phục hậu quả thiên tai trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi;

Căn cứ Quyết định số 142/QĐ-UBND ngày 17/3/2016 của UBND tỉnh ban hành Quy định chi tiết một số nội dung về công tác phòng chống thiên tai và tìm kiếm cứu nạn trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi;

Căn cứ Quyết định số 859/QĐ-UBND ngày 03/6/2015 của Chủ tịch UBND tỉnh Quảng Ngãi về việc thành lập Ban Chỉ huy và Văn phòng thường trực Ban Chỉ huy phòng, chống thiên tai và tìm kiếm cứu nạn tỉnh Quảng Ngãi hoặc Quyết định thay thế (nếu có);

Theo đề nghị của Chánh Văn phòng Thường trực Ban Chỉ huy Phòng, chống thiên tai và Tìm kiếm cứu nạn tỉnh tại Tờ trình số 119/TTr-PCTTTKCN ngày 09/8/2021.



QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Phương án Ứng phó thiên tai và Tìm kiếm cứu nạn trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi năm 2021.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Điều 3. Chánh Văn phòng và các Thành viên Ban Chỉ huy PCTT và TKCN tỉnh; Thủ trưởng các sở, ban, ngành tỉnh; Chủ tịch UBND, Trưởng ban Ban Chỉ huy PCTT và TKCN các huyện, thị xã, thành phố; Thủ trưởng các đơn vị liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Ban Chỉ đạo Trung ương về Phòng chống thiên tai;
- Ủy ban Quốc gia Ứng phó sự cố, thiên tai và TKCN;
- TT Tỉnh ủy, TT HĐND tỉnh;
- CT, PCT UBND tỉnh;
- Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh;
- Chi cục PCTT Khu vực MT và TN;
- Lưu VPTT BCH.



TRƯỞNG BAN

CHỦ TỊCH UBND TỈNH
Đặng Văn Minh

PHƯƠNG ÁN

Ứng phó thiên tai và Tìm kiếm cứu nạn trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi năm 2021

(Ban hành kèm theo Quyết định số: 02 /QĐ-PCTTTKCN ngày 17/8/2021
của Trưởng Ban Chỉ huy Phòng chống thiên tai và TKCN tỉnh)

PHẦN I: ĐẶC ĐIỂM, TÌNH HÌNH CHUNG

I. Căn cứ pháp lý để xây dựng phương án

- Luật Phòng, chống thiên tai ngày 19/6/2013 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật phòng, chống thiên tai và Luật đê điều ngày 17/6/2020;

- Nghị định số 66/2021/NĐ-CP ngày 06/7/2021 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Phòng, chống thiên tai và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Phòng, chống thiên tai và Luật Đê điều;

- Quyết định số 18/2021/QĐ-TTg ngày 22/4/2021 của Thủ tướng Chính phủ Quy định về dự báo, cảnh báo, truyền tin thiên tai và cấp độ rủi ro thiên tai;

- Quyết định số 379/QĐ-TTg ngày 17/3/2021 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chiến lược Quốc gia phòng, chống thiên tai đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2050;

- Các Kế hoạch số: 288-KH/TU ngày 22/6/2020 của Tỉnh ủy, 96/KH-UBND ngày 03/8/2020 của UBND tỉnh thực hiện Chỉ thị số 42-CT/TW ngày 24/3/2020 của Ban Bí thư Trung ương Đảng về tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với công tác phòng ngừa, ứng phó và khắc phục hậu quả thiên tai trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi;

- Quyết định số 142/QĐ-UBND ngày 17/3/2016 của UBND tỉnh ban hành Quy định chi tiết một số nội dung về công tác phòng chống thiên tai và tìm kiếm cứu nạn trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi.

- Quyết định số 859/QĐ-UBND ngày 03/6/2015 của Chủ tịch UBND tỉnh Quảng Ngãi về việc thành lập Ban Chỉ huy và Văn phòng thường trực Ban Chỉ huy phòng, chống thiên tai và tìm kiếm cứu nạn tỉnh Quảng Ngãi hoặc Quyết định thay thế (nếu có);

- Quyết định số 01/QĐ-PCTTTKCN ngày 13/7/2021 của Trưởng ban Ban Chỉ huy PCTT và TKCN tỉnh về kiện toàn và phân công nhiệm vụ cụ thể cho thành viên Ban Chỉ huy PCTT và TKCN tỉnh Quảng Ngãi năm 2021.

II. Điều kiện tự nhiên

* Ngoài ra, căn cứ vào diễn biến, hướng di chuyển của ATNĐ, bão mà xác định khu vực ảnh hưởng trực tiếp/ gián tiếp của từng cơn bão, ATNĐ để đưa ra các biện pháp chỉ huy, chỉ đạo ứng phó phù hợp.

Theo Quy định tại Phụ lục VIII, Quyết định Quyết định số 18/2021/QĐ-TTg ngày 22/4/2021 của Thủ tướng Chính phủ thì các Trạm: Sơn Giang (sông Trà Khúc), An Chỉ (sông Vệ) thuộc Khu vực 2, Trạm Trà Khúc thuộc Khu vực 1 và trên cơ sở tình hình thực tế của tỉnh thì các trạm còn lại gồm: Sông Vệ, Châu Ổ, Trà Câu được tính như khu vực 1, cấp độ RRTT do lũ, ngập lụt theo bảng sau:

Tên sông	Trà Khúc		Vệ		Trà Bồng	Trà Câu
	<i>Trạm Trà Khúc</i>	<i>Trạm Sơn Giang</i>	<i>Trạm An Chỉ</i>	<i>Trạm Sông Vệ</i>	<i>Trạm Châu Ổ</i>	<i>Trạm Trà Câu</i>
Cấp độ	BĐ1 -	BĐ1 -	BĐ1 -	BĐ1 -	BĐ1 - dưới	BĐ1 - dưới

1	dưới BD2	dưới BD3	dưới BD3	dưới BD2	BD2	BD2
Cấp độ 2	BD2 – dưới BD3 + 1m	BD3 – dưới BD3 + 1m	BD3 – dưới BD3 + 1m	BD2 – dưới BD3 + 1m	BD2 – dưới BD3 + 1m	BD2 – dưới BD3 + 1m
Cấp độ 3	BD 3 + 1m trở lên	BD 3 + 1m trở lên	BD 3 + 1m trở lên	BD 3 + 1m trở lên	BD 3 + 1m trở lên	BD 3 + 1m trở lên

- Cấp độ 1: Mức nước lũ cao từ báo động 1 đến dưới BD2 tại các trạm: Trà Khúc, Sông Vệ, Châu Ổ, Trà Câu và cao từ báo động 1 đến dưới báo động 3 tại các trạm Sơn Giang, An Chỉ.

Đối với cấp độ này, chưa gây ngập lụt tại các khu vực dân cư, chủ yếu nguy cơ ảnh hưởng đến các hộ dân khu vực trũng, thấp ven sông, suối.

- Cấp độ 2: Mức nước lũ cao từ báo động 2 đến dưới báo động 3 + 1m tại các trạm: Trà Khúc, Sông Vệ, Châu Ổ, Trà Câu và cao từ báo động và từ báo động 3 đến dưới báo động 3 + 1m tại các trạm Sơn Giang, An Chỉ. Đối với cấp độ này được chia ra làm các tình huống như sau:

+ Tình huống 1: Mức nước lũ cao từ báo động 2 đến dưới báo động 3 tại các trạm: Trà Khúc, Sông Vệ, Châu Ổ, Trà Câu: Tình huống này chưa gây ngập lụt tại các khu vực dân cư, chủ yếu nguy cơ ảnh hưởng đến các hộ dân khu vực trũng, thấp ven sông, suối.

+ Tình huống 2: Mức nước lũ cao từ báo động 3 đến dưới báo động 3 + 1m tại các trạm: Trà Khúc, Sông Vệ, Châu Ổ, Trà Câu: Tình huống này bắt đầu ngập lụt tại các khu vực dân cư; khu vực bị ảnh hưởng là các xã vùng hạ du các sông nêu trên thuộc các huyện: Bình Sơn, Sơn Tịnh, Tư Nghĩa, Mộ Đức, Nghĩa Hành, Đức Phổ, các xã, phường ngoài khu vực trung tâm thành phố Quảng Ngãi và các xã, thị trấn vùng thượng du ven các sông: Trà Bồng, Trà Khúc, Vệ thuộc các huyện: Trà Bồng, Sơn Hà, Ba Tơ, Minh Long.

- Cấp độ 3: Mức nước lũ cao từ báo động 3 + 1m trở lên tại các trạm: Trà Khúc, Sông Vệ, Châu Ổ, Trà Câu: Tình huống này đã gây ngập lụt trên diện rộng tại các khu vực dân cư; khu vực bị ảnh hưởng là các xã vùng hạ du các sông nêu trên thuộc các huyện: Bình Sơn, Sơn Tịnh, Tư Nghĩa, Mộ Đức, Nghĩa Hành, Đức Phổ, các xã, phường ngoài khu vực trung tâm thành phố Quảng Ngãi và các xã, thị trấn vùng thượng du ven các sông: Trà Bồng, Trà Khúc, Vệ thuộc các huyện: Trà Bồng, Sơn Hà, Ba Tơ, Minh Long.

*** Theo tình hình diễn biến thực tế lũ, ngập lụt trên địa bàn tỉnh, Phương án này đưa ra các tình huống di dời, sơ tán dân trong các trường hợp mức nước lũ tại các trạm: Trà Khúc, Sông Vệ, Châu Ổ, Trà Câu ở các mức: (1) Báo động 3 (2) Báo động 3 + 1m (3) Báo động 3 + 2m (4) Lũ lịch sử.**

d) Đối với sạt lở đất: Khu vực có nguy cơ cao bị ảnh hưởng được xác định là tất cả các huyện, thành phố trên địa bàn tỉnh. Cấp độ rủi ro từ 1 đến 2, tùy theo diễn biến mưa tại các khu vực.

e) Đối với các loại hình thiên tai khác như: Nắng nóng, hạn hán, xâm nhập

mặn, động đất, sóng thần,... đã được quy định cụ thể tại Quyết định số 18/2021/QĐ-TTg ngày 22/4/2021 của Thủ tướng Chính phủ. Các khu vực bị ảnh hưởng tùy thuộc vào quy mô, diễn biến của các loại hình thiên tai này.

V. Đặc điểm dân sinh và xác định đối tượng dễ bị tổn thương

1. Dân cư: (Chi tiết có Biểu số 1 kèm theo)

- Dân số: 1.251.851 người.
- Thành phần dân tộc: Kinh, H're, Cadong, Cor.
- Số người ở độ tuổi lao động: 745.197 người.

2. Tình hình dân sinh: (Chi tiết có Biểu số 2 kèm theo)

- Tổng số hộ trên địa bàn tỉnh: 380.158 hộ.
- Tổng số hộ nghèo: 25.789 hộ.
- Tổng số hộ cận nghèo: 25.584 hộ.

3. Nhà ở: (Chi tiết có Biểu số 2 kèm theo)

- Nhà kiên cố: 180.559 cái.
- Nhà bán kiên cố: 140.444 cái.
- Nhà thiếu kiên cố: 25.967 cái.
- Nhà đơn sơ: 2.366 cái.

4. Các công trình có thể sơ tán dân đến (Chi tiết có Biểu số 3 kèm theo)

- Các điểm sơ tán tập trung được xác định như: Trụ sở UBND, Trạm Y tế, Trường học, Nhà cộng đồng, tổng số các điểm nêu trên có khả năng chứa được 411.269 người.

Ngoài ra, các ngôi nhà kiên cố tại địa bàn các thôn, xã cũng là nơi tránh trú an toàn cho nhân dân.

5. Các vị trí neo đậu tàu, thuyền tránh trú bão hiện có

Hiện trên địa bàn tỉnh có 06 cảng neo trú dành cho các tàu, thuyền tránh trú bão. Tuy nhiên, các khu neo trú này chỉ đảm bảo tàu, thuyền có công suất dưới 600CV. Riêng các tàu, thuyền có công suất trên 600 CV, được hướng dẫn di chuyển đến các cảng neo trú tại các tỉnh bạn để đảm bảo an toàn:

TT	Tên cảng/ khu neo đậu	Sức chứa của khu vực neo đậu
1	Mỹ Á	Sức chứa 400 tàu có công suất đến 500 CV/chiếc
2	Sa Huỳnh	Sức chứa 500 tàu có công suất đến 600 CV/chiếc
3	Sa Kỳ - Cỏ Lũy	Sức chứa 700 tàu có công suất đến 600 CV/chiếc
4	Sa Cần	Sức chứa 250 tàu có công suất đến 400 CV/chiếc
5	Lý Sơn	Sức chứa 400 tàu có công suất đến 400 CV/chiếc

6	Tỉnh Hòa	Sức chứa 300 tàu có công suất đến 400 CV/chiếc
---	----------	--

Tổng số lượng tàu thuyền có thể neo đậu tại các vị trí trên: 2.550 chiếc.

PHẦN II: NỘI DUNG PHƯƠNG ÁN

I. Công tác chuẩn bị

1. Về chỉ huy

- Trưởng ban Ban chỉ huy PCTT và TKCN tỉnh đã ban hành: Quyết định số 01/QĐ-PCTTTKCN ngày 13/7/2021 kiện toàn và phân công nhiệm vụ cụ thể cho thành viên Ban Chỉ huy PCTT và TKCN tỉnh Quảng Ngãi năm 2021; Kế hoạch số 41/KH-PCTTTKCN ngày 15/3/2021 về kế hoạch công tác của Ban Chỉ huy PCTT và TKCN tỉnh năm 2021.

- *Chỉ huy ứng phó rủi ro thiên tai cấp độ 1:*

+ Chủ tịch UBND cấp xã có trách nhiệm trực tiếp chỉ huy, huy động nguồn lực tại chỗ để ứng phó khi có thiên tai xảy ra.

+ Chủ tịch UBND cấp huyện có trách nhiệm trực tiếp chỉ huy, huy động nguồn lực theo thẩm quyền để ứng phó thiên tai trong trường hợp thiên tai cấp độ 1 xảy ra trong phạm vi từ 2 xã trở lên hoặc khi nhận được yêu cầu trợ giúp của Chủ tịch UBND cấp xã.

- *Chỉ huy ứng phó rủi ro thiên tai cấp độ 2:* Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh chỉ huy các địa phương, cơ quan, đơn vị trên địa bàn triển khai ứng phó thiên tai.

Chủ tịch UBND cấp huyện, cấp xã thực hiện các nhiệm vụ quy định tại Điều 7 Nghị định số 66/2021/NĐ-CP; tuân thủ sự chỉ huy của cơ quan cấp trên; hướng dẫn và tổ chức sơ tán người đến nơi an toàn; Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện quyết định tổ chức cưỡng chế sơ tán trường hợp tổ chức, cá nhân không tự giác chấp hành chỉ đạo, chỉ huy, hướng dẫn sơ tán phòng, tránh thiên tai vì mục đích an toàn cho người.

Trong trường hợp vượt quá khả năng ứng phó của cấp tỉnh, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh báo cáo, đề nghị Ban chỉ đạo quốc gia về phòng, chống thiên tai và Ủy ban Quốc gia ứng phó sự cố, thiên tai và Tìm kiếm cứu nạn hỗ trợ.

- *Chỉ huy ứng phó rủi ro thiên tai cấp độ 3, cấp độ 4:* Do Ban Chỉ đạo Trung ương về phòng, chống thiên tai; Thủ tướng Chính phủ chỉ đạo.

Chủ tịch UBND cấp huyện, cấp xã thực hiện các nhiệm vụ nêu trên phù hợp với tình huống cụ thể tại địa phương; tuân thủ sự chỉ đạo, chỉ huy của cơ quan cấp trên.

- *Ứng phó rủi ro thiên tai vượt cấp độ 4:* Được Chủ tịch nước ban bố tình trạng khẩn cấp về thiên tai; việc phân công, phân cấp trách nhiệm và phối hợp trong ứng phó tình trạng khẩn cấp về thiên tai theo quy định của pháp luật về

tình trạng khẩn cấp.

*** Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định công bố tình huống khẩn cấp về thiên tai quy định tại khoản 1 Điều 12, Nghị định số 66/2021/NĐ-CP ngày 06/7/2021 của Chính phủ xảy ra trên địa bàn cấp tỉnh thuộc phạm vi quản lý. Ban Chỉ huy phòng chống thiên tai và tìm kiếm cứu nạn tỉnh hoặc cơ quan chuyên môn có trách nhiệm tham mưu cho Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh ban hành tình huống khẩn cấp về thiên tai.**

2. Về thông tin liên lạc

- Số điện thoại thường trực: 0255.6255.588 hoặc 0255.3713.133;
- Số fax: 0255.3825.488;
- Địa chỉ email thường trực: phongchonglutbao@gmail.com;
- Số điện thoại của các thành viên chủ chốt:
- + Ông Đặng Văn Minh, Chủ tịch UBND tỉnh Trưởng ban: 0913.470.790.
- + Ông Trần Phước Hiền, Phó Chủ tịch UBND tỉnh, Phó Trưởng ban Thường trực: 0914.076.039.
- + Ông Hồ Trọng Phương, Giám đốc Sở Nông nghiệp và PTNT, Phó Trưởng ban: 0914.900.263.
- + Ông Võ Văn Bá, Chỉ huy trưởng Bộ Chỉ huy Quân sự tỉnh, Phó Trưởng ban: 0905.336.625.
- + Ông Đỗ Ngọc Nam - Chỉ huy trưởng BCH Bộ đội Biên phòng tỉnh, Phó Trưởng ban: 0989.229.956.
- + Ông Lê Xuân Hưng, Phó Giám đốc công an tỉnh, Phó Trưởng ban: 0913.470.135.
- + Ông Võ Quốc Hùng, Chánh Văn phòng Thường trực Ban Chỉ huy PCTT và TKCN tỉnh: 0905.550.021.

3. Về lực lượng (Chi tiết có Biểu số 4 kèm theo)

- Thành viên Ban Chỉ huy PCTT và TKCN tỉnh: 30 người.
- Thành viên VPTT BCH PCTT và TKCN tỉnh : 17 người.
- Lực lượng quân sự: 7.608 người (Bộ đội thường trực: 495, DQTV: 5.687, Dự bị động viên: 1.498).
- Lực lượng biên phòng: 120 người.
- Lực lượng công an: 2.391 người (gồm lực lượng thường trực, xung kích, dự bị).
- Các lực lượng hiệp đồng (Hải quân Vùng 3, Cảnh sát biển 2, Sư đoàn BB10, CB7, BB307, BB315, CB270): 935 người.

4. Về vật tư, phương tiện (Chi tiết có Biểu số 9 kèm theo)

Biện pháp bố trí, sử dụng phương tiện, thiết bị (*lưu ý vùng xung yếu*):

Các cơ quan, đơn vị quản lý, sử dụng phương tiện, thiết bị phục vụ công tác PCTT và TKCN cấp tỉnh có trách nhiệm thực hiện một số nội dung sau:

- Trong tháng 9/2021, tổ chức kiểm tra, vận hành chạy thử, duy tu, bảo dưỡng đảm bảo sẵn sàng hoạt động khi có yêu cầu.

- Bố trí phương tiện, thiết bị ứng trực đến địa bàn xung yếu được phân công trước khi bão đổ bộ hoặc có lũ trên mức báo động 3 khoảng 1m (*địa bàn phân công ứng trực được quy định ở phần sau*).

- Tổ chức chỉ huy, bố trí nhân sự đảm bảo vận hành trang thiết bị, máy móc ở nơi tập kết và hiện trường ứng phó thiên tai, tìm kiếm cứu nạn.

- Tổ chức tập kết, bảo quản vật tư, vật liệu phục vụ ứng phó các tình huống, thường xuyên theo dõi, kiểm tra chất lượng, số lượng đảm bảo yêu cầu cần thiết.

5. Về hậu cần

- Cấp tỉnh: Bố trí kinh phí từ nguồn dự phòng ngân sách tỉnh. Phương án dự trữ lương thực, thực phẩm, nhu yếu phẩm ở cấp tỉnh do Sở Công Thương ban hành.

- Cấp huyện: Tổ chức dự trữ lương thực, nước uống đảm bảo cứu trợ trong các tình huống (*các hình thức dự trữ có thể thực hiện như: dự trữ tại kho, hợp đồng cung ứng chủ động với các cơ sở sản xuất – kinh doanh, lưu ý dự trữ ở những địa bàn thường xuyên bị chia cắt, cô lập,...*).

- Cấp xã: Tổ chức dự trữ hoặc hợp đồng cung ứng chủ động với các cơ sở sản xuất - kinh doanh, vận động nhân dân tự dự trữ trong gia đình lượng lương thực đảm bảo sử dụng tối thiểu trong 15 ngày.

- Các mặt hàng dự trữ, cung ứng thiết yếu như: Gạo, mì tôm gói, bánh mì, bánh ngọt các loại, nước uống đóng chai,...

** Để việc chuẩn bị vật tư, phương tiện và hậu cần đảm bảo thuận lợi, các địa phương chủ động phối hợp với các chủ phương tiện, siêu thị, cửa hàng tạp hóa để ký kết hợp đồng nguyên tắc về cung ứng hàng hóa, phương tiện, trang thiết bị phục vụ công tác phòng, chống thiên tai trên địa bàn.*

III. Phương án tìm kiếm cứu nạn

1. Khu vực đất liền: Do Bộ Chỉ huy Quân sự tỉnh (cơ quan thường trực tìm kiếm cứu nạn trên sông, đất liền) xây dựng, ban hành.

2. Trên biển và khu vực biên giới biển: Do Bộ Chỉ huy Bộ đội Biên phòng (cơ quan thường trực tìm kiếm cứu nạn trên biển, khu vực biên giới biển) xây dựng, ban hành.

3. Nguyên tắc và tổ chức cứu hộ, cứu nạn

- Nguyên tắc trong việc tổ chức cứu hộ, cứu nạn: đảm bảo an toàn tuyệt đối cho lực lượng tham gia, cứu hộ, cứu nạn; tổ chức khẩn trương, kịp thời.

- Khi có thông tin về tai nạn trong thiên tai, Đội xung kích Phòng, chống thiên tai tổ chức thực hiện các biện pháp ưu hộ, cứu nạn, sơ cứu,...; thông tin, báo cáo kết quả thực hiện, đề xuất hỗ trợ từ cấp trên.

- Nhận thông tin yêu cầu hỗ trợ, người chỉ huy điều động lực lượng, phương tiện TKCN cấp huyện, tỉnh xuống ngay địa bàn để hỗ trợ kịp thời các lực lượng tại chỗ. Trong trường hợp tai nạn, sự cố xảy ra khi thiên tai đang diễn biến mạnh, phức tạp thì việc tổ chức cứu hộ, cứu nạn phải dựa trên đặc điểm tình hình thực tiễn và năng lực cứu hộ, cứu nạn hiện có để triển khai nhiệm vụ trên tinh thần đảm bảo nguyên tắc về an toàn.

IV. Các Phương án khác

- Phương án đảm bảo phương án đảm bảo an toàn hồ chứa nước; phương án bảo đảm an toàn cho người và tàu cá hoạt động trên biển khi có thiên tai xảy ra: do Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn xây dựng.

- Phương án đảm bảo an toàn thông tin liên lạc: do Sở Thông tin và Truyền thông xây dựng.

- Phương án đảm bảo giao thông, khắc phục sự cố các tuyến đường giao thông trong và sau thiên tai: do Sở Giao thông vận tải xây dựng.

- Phương án dự trữ hàng hóa, nhu yếu phẩm để ứng phó thiên tai: do Sở Công Thương xây dựng.

- Phương án vận hành hệ thống lưới điện: do Công ty Điện lực Quảng Ngãi xây dựng.

IV. Phương án di dời, sơ tán dân phòng tránh thiên tai

1. Xác định vùng trọng điểm

a) Đối với bão: Nhận định chung, khi bão đổ bộ/ ảnh hưởng trực tiếp đến địa bàn tỉnh thì các xã ven biển sẽ chịu ảnh hưởng trực tiếp ở cấp gió mạnh của bão, các địa phương còn lại sẽ chịu ảnh hưởng bởi cấp gió thấp hơn từ 1 – 2 cấp (tùy theo vị trí địa lý và khu vực bão đổ bộ). Vùng trọng điểm ảnh hưởng bão được xác định là 22 xã và huyện Lý Sơn gồm:

- Huyện Bình Sơn gồm 07 xã: Bình Thạnh, Bình Đông, Bình Thuận, Bình Trị, Bình Hải, Bình Phú, Bình Châu.

- Thành phố Quảng Ngãi gồm 04 xã: Tịnh Khê, Tịnh Kỳ, Nghĩa An, Nghĩa Phú.

- Huyện Mộ Đức gồm 05 xã: Đức Lợi, Đức Thắng, Đức Chánh, Đức Minh, Đức Phong.

- Thị xã Đức Phổ gồm 06 xã, phường: Phổ An, Phổ Quang, Phổ Vinh, Phổ Khánh, Phổ Thạnh, Phổ Châu.

- Huyện Lý Sơn.

b) Đối với lũ, ngập lụt: các địa bàn có nguy cơ cao gồm:

+ Huyện Bình Sơn gồm các xã: Bình Minh, Bình Chương, Bình Mỹ, Thị trấn Châu Ổ,...

+ Huyện Sơn Tịnh gồm các xã: Tịnh Minh, Tịnh Sơn,...

+ Huyện Tư Nghĩa gồm các xã: Nghĩa Hiệp, Nghĩa Phương, Nghĩa Mỹ, Nghĩa Kỳ,...

+ Huyện Nghĩa Hành gồm các xã: Hành Tín Đông, Hành Tín Tây, Hành Thiện, Hành Phước, Hành Thịnh, Hành Dũng, Hành Nhân,...

+ Huyện Mộ Đức gồm các xã: Đức Phong, Đức Hòa, Đức Hiệp, Đức Nhuận,...

+ Thị xã Đức Phổ gồm các xã: Phổ Ninh, Phổ Minh, Phổ Văn,...

+ Thành phố Quảng Ngãi gồm các xã: Tịnh An, Nghĩa Đông, Nghĩa Dũng,...

+ Huyện Sơn Hà gồm các xã: Sơn Linh, Sơn Giang,...

c) Sạt lở đất: Trọng điểm là các xã thuộc các huyện miền núi: Ba Tơ, Minh Long, Sơn Hà, Sơn Tây, Trà Bồng, gồm 43 điểm có nguy cơ cao sạt lở (huyện Ba Tơ: 15 điểm, huyện Sơn Hà: 07 điểm, huyện Trà Bồng: 20 điểm), gồm:

+ Huyện Ba Tơ có 15 điểm, gồm: Ba Lế: 01 điểm (Khu TĐC Đồng Lau); Ba Vinh: 01 điểm (thôn Nước Lá), Ba Tô: 05 điểm (xóm Gò Lung, thôn Làng Mạ; thôn Mang Lùng 1, 2, Làng Xi 1, Trà Nô); Ba Ngạc: 01 điểm (thôn Nước Lầy), Ba Xa: 03 điểm (thôn Gỏi Re; thôn Nước Lãng; thôn Nước Chạch); Ba Giang: 02 điểm (trường Mầm non xã; trụ sở UBND xã), Ba Thành: 02 điểm (Trung tâm hành chính xã; thôn Huy Ba).

+ Huyện Sơn Hà có 07 điểm dân cư có nguy cơ sạt lở gồm: Thị trấn Di Lăng: 02 điểm (TPD Làng Bờ; TDP Nước Nĩa); xã Sơn Ba: 02 điểm (thôn Mò O; Ka Khu); xã Sơn Thành: 03 điểm (Ka Long; Gò Deo; Xã Trạch).

+ Huyện Trà Bồng: có 20 điểm dân cư có nguy cơ sạt lở gồm: Xã Trà Sơn: 01 điểm (Tổ 1, thôn Cà Tinh), xã Trà Lâm: 01 điểm (tổ 3, thôn Trà Lạc); xã Trà Giang: 03 điểm (Tổ 1, 2 thôn 1; tổ 4, thôn 2), xã Trà Phong: 02 điểm (đội 5, thôn Gò Rô; đội 4, thôn Trà Niêu); xã Trà Thanh: 06 điểm (tổ 4, thôn Vuông; tổ 1, 2, 3, thôn Cát; tổ 5, 7, thôn Gõ); xã Trà Xinh: 01 điểm (đội 1, thôn trà Veo), xã Trà Tây: 01 điểm (tổ 3, thôn Tây), xã Sơn Trà: 04 điểm (tổ 1, 3, thôn Sơn; tổ 7, 12, thôn Trà Ong), xã Hương Trà: 01 điểm (tổ 4, thôn Trà Linh).

2. Phương án sơ tán dân phòng, tránh bão

a) Cấp độ 3 (bão cấp 10 - 11):

Số hộ/ khẩu cần di dời, sơ tán: **22.294 hộ/ 79.130 khẩu**, gồm:

- Huyện Bình Sơn: 7.593 hộ/ 26.420 khẩu.
- Huyện Sơn Tịnh: 685 hộ/ 2.362 khẩu.
- Huyện Tư Nghĩa: 229 hộ / 696 khẩu.

- Huyện Nghĩa Hành: 375 hộ/ 1.208 khẩu.
- Huyện Mộ Đức: 2.621 hộ/ 9.174 khẩu.
- Thị xã Đức Phổ: 2.626 hộ/ 9.628 khẩu.
- Huyện Trà Bồng: 1.717 hộ/ 6.101 khẩu.
- Huyện Sơn Hà: 2.192 hộ/ 6.845 khẩu.
- Huyện Sơn Tây: 58 hộ/ 232 khẩu
- Huyện Minh Long: 150 hộ/ 415 khẩu.
- Huyện Ba Tơ: 587 hộ/ 2.057 khẩu.
- Huyện Lý Sơn: 145 hộ/ 375 khẩu.
- TP Quảng Ngãi: 3.316 hộ/13.617 khẩu.

b) Cấp độ 4 (bão cấp 12 - 15):

Số hộ/ khẩu cần di dời, sơ tán: **52.175 hộ/ 194.184 khẩu**, gồm:

- Huyện Bình Sơn: 25.517 hộ/ 93.017 khẩu.
- Huyện Sơn Tịnh: 1.380 hộ/ 5.036 khẩu.
- Huyện Tư Nghĩa: 415 hộ/ 1.666 khẩu
- Huyện Nghĩa Hành: 808 hộ/ 2.505 khẩu.
- Huyện Mộ Đức: 3.897 hộ/ 13.640 khẩu.
- Thị xã Đức Phổ: 3.560 hộ/ 13.403 khẩu.
- Huyện Trà Bồng: 4.785 hộ/ 19.642 khẩu.
- Huyện Sơn Hà: 3.859 hộ/ 13.287 khẩu.
- Huyện Sơn Tây: 68 hộ/ 277 khẩu.
- Huyện Minh Long: 1.404 hộ/ 5.436 khẩu.
- Huyện Ba Tơ: 616 hộ/ 2.173 khẩu.
- Huyện Lý Sơn: 340 hộ/ 998 khẩu.
- Tp. Quảng Ngãi: 5.526 hộ/ 23.104 khẩu.

c) Cấp độ 5 (Siêu bão, cấp 16 trở lên)

Số hộ/ khẩu cần di dời, sơ tán: **70.447 hộ/ 263.458 khẩu**, gồm:

- Huyện Bình Sơn: 25.517 hộ/ 93.017 khẩu.
- Huyện Sơn Tịnh: 1.538 hộ/ 5.650 khẩu.
- Huyện Tư Nghĩa: 830 hộ/ 3.163 khẩu.
- Huyện Nghĩa Hành: 1.630 hộ/ 5.144 khẩu.
- Huyện Mộ Đức: 6.282 hộ/ 21.987 khẩu.

- Thị xã Đức Phổ: 4.516 hộ/ 16.446 khẩu.
- Huyện Trà Bồng: 4.840 hộ/ 20.008 khẩu.
- Huyện Sơn Hà: 5.441 hộ/ 20.572 khẩu.
- Huyện Sơn Tây: 68 hộ/ 277 khẩu.
- Huyện Minh Long: 1.404 hộ/ 5.436 khẩu.
- Huyện Ba Tơ: 1.850 hộ/ 6.612 khẩu.
- Huyện Lý Sơn: 2.828 hộ/ 11.989 khẩu.
- Tp Quảng Ngãi: 13.703 hộ/ 53.157 khẩu.

(Cụ thể có Biểu 10 kèm theo)

3. Phương án sơ tán dân phòng tránh lũ, ngập lụt

Số lượng dân cư cần di dời, sơ tán như sau:

a) Lưu vực sông Trà Bồng

a1) Mức báo động 3

- Huyện Trà Bồng: 122 hộ/ 466 khẩu.

a2) Mức báo động 3+1m: **5.725 hộ/ 20.146 khẩu**, gồm:

- Huyện Trà Bồng: 122 hộ/ 466 khẩu.
- Huyện Bình Sơn: 5.603 hộ/ 19.680 khẩu.

a2) Mức báo động 3+2m: **5.725 hộ/ 20.146 khẩu**, gồm:

- Huyện Trà Bồng: 122 hộ/ 466 khẩu.
- Huyện Bình Sơn: 5.603 hộ/ 19.680 khẩu.

a4) Mức lũ lịch sử: **10.723 hộ/ 38.164 khẩu**, gồm:

- Huyện Trà Bồng: 122 hộ/ 466 khẩu.
- Huyện Bình Sơn: 10.601 hộ/ 37.698 khẩu.

b) Lưu vực sông Trà Khúc

b1) Mức báo động 3: **1.319 hộ/ 5.272 khẩu**, gồm:

- Huyện Sơn Tịnh: 828 hộ/ 3.083 khẩu.
- Thành phố Quảng Ngãi: 394 hộ/ 1.846 khẩu.
- Huyện Tư Nghĩa: 97 hộ/ 343 khẩu.

b2) Mức báo động 3+1m: **4.181 hộ/ 15.526 khẩu**, gồm:

- Huyện Sơn Tịnh: 1.134 hộ/ 4.018 khẩu.
- T.phố Quảng Ngãi: 1.565 hộ/ 5.965 khẩu.
- Huyện Sơn Hà: 1.285 hộ/ 4.791 khẩu.

- Huyện Tư Nghĩa: 197 hộ/ 752 khẩu.

b3) Mức báo động 3 + 2m: **5.440 hộ/ 20.809 khẩu**, gồm:

- Huyện Sơn Tịnh: 1.613 hộ/ 6.225 khẩu.

- T.phố Quảng Ngãi: 2.127 hộ/ 8.142 khẩu.

- Huyện Sơn Hà: 1.322 hộ/ 4.956 khẩu.

- Huyện Tư Nghĩa: 378 hộ/ 1.486 khẩu.

b4) Mức lũ lịch sử: **6.829 hộ/ 26.817 khẩu**, gồm:

- Huyện Sơn Tịnh: 1.688 hộ/ 7.804 khẩu.

- Thành phố Quảng Ngãi: 3.441 hộ/ 12.571 khẩu.

- Huyện Sơn Hà: 1.322 hộ/ 4.956 khẩu.

- Huyện Tư Nghĩa: 378 hộ/ 1.486 khẩu.

c) Lưu vực sông Vệ

c1) Mức báo động 3: **176 hộ/ 665 khẩu**, gồm:

- Huyện Ba Tơ: 04 hộ/ 13 khẩu.

- Huyện Nghĩa Hành: 128 hộ/ 528 khẩu.

- Huyện Tư Nghĩa: 44 hộ/ 124 khẩu.

c2) Mức báo động 3+1m: **3.159 hộ/ 10.695 khẩu**, gồm:

- Huyện Ba Tơ: 35 hộ/ 129 khẩu.

- Huyện Mộ Đức: 2.103 hộ/ 7.361 khẩu.

- Huyện Nghĩa Hành: 780 hộ/ 2.264 khẩu.

- Huyện Tư Nghĩa: 241 hộ/ 941 khẩu.

c3) Mức báo động 3+2m: **6.506 hộ/ 21.617 khẩu**, gồm:

- Huyện Ba Tơ: 65 hộ/ 239 khẩu.

- Huyện Mộ Đức: 4.357 hộ/ 15.250 khẩu.

- Huyện Nghĩa Hành: 1.695 hộ/ 4.682 khẩu.

- Huyện Tư Nghĩa: 389 hộ/ 1.446 khẩu.

c4) Mức lũ lịch sử: **7.198 hộ/ 23.886 khẩu**, gồm:

- Huyện Ba Tơ: 65 hộ/ 239 khẩu.

- Huyện Mộ Đức: 4.357 hộ/ 15.250 khẩu.

- Huyện Nghĩa Hành: 2.387 hộ/ 6.951 khẩu.

- Huyện Tư Nghĩa: 389 hộ/ 1.446 khẩu.

d) Lưu vực sông Trà Câu (huyện Đức Phổ):

- Mức báo động 3: 689 hộ/ 2.455 khẩu.
- Mức báo động 3 + 1m: 1.043 hộ/ 3.662 khẩu.
- Mức báo động 3 + 2m: 1.175 hộ/ 4.126 khẩu.
- Mức lũ lịch sử: 1.748 hộ/ 6.122 khẩu.

(Cụ thể có Biểu 11 kèm theo)

4. Phương án sơ tán dân phòng, tránh sạt lở đất: có 4.543 hộ/ 16.928 khẩu nằm trong khu vực có nguy cơ cao, gồm:

- Huyện Minh Long: 33 hộ/ 126 khẩu.
- Huyện Ba Tư: 940 hộ/ 3.476 khẩu.
- Huyện Trà Bồng: 765 hộ/ 3.190 khẩu.
- Huyện Sơn Tây: 352 hộ/ 1.381 khẩu.
- Huyện Sơn Hà: 324 hộ/ 1.439 khẩu.
- Huyện Sơn Tịnh: 167 hộ/ 611 khẩu.
- Huyện Lý Sơn: 95 hộ/ 350 khẩu.
- TP. Quảng Ngãi: 176 hộ/ 607 khẩu.
- Huyện Mộ Đức: 112 hộ/ 394 khẩu.
- Huyện Bình Sơn: 942 hộ/ 3.419 khẩu.
- Huyện Tư Nghĩa: 357 hộ/ 951 khẩu.
- Thị xã Đức Phổ: 38 hộ/ 134 khẩu.
- Huyện Nghĩa Hành: 242 hộ/ 850 khẩu.

(Cụ thể có Biểu 12 kèm theo)

VI. Tổ chức thực hiện

Hiện nay tình hình diễn biến dịch Covid-19 đang diễn biến phức tạp, để chức động ứng phó với thách thức kép: **Thiên tai – Dịch bệnh COVID-19**, các địa phương, đơn vị tổ chức thực hiện chế độ trực ban đầy đủ, chủ động ứng phó thiên tai trong phạm vi quản lý; thực hiện nhiệm vụ, trách nhiệm được giao theo quy định tại Luật Phòng, chống thiên tai, Nghị định số 66/2021/NĐ-CP ngày 06/7/2021 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Phòng, chống thiên tai và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Phòng, chống thiên tai và Luật Đê điều, Quyết định số 142/QĐ-UBND ngày 17/3/2016 của UBND tỉnh ban hành Quy định chi tiết một số nội dung về phòng, chống thiên tai và tìm kiếm cứu nạn trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi, theo các tình huống thiên tai được nêu cụ thể trong Phương án Ứng phó thiên tai và Tìm kiếm cứu nạn trên địa bàn tỉnh và các chỉ đạo của UBND tỉnh về phòng, chống dịch bệnh Covid-19. Trong đó:

1. Các thành viên Ban Chỉ huy PCTT và TKCN tỉnh

- Chủ động theo dõi tình hình diễn biến của thiên tai, phối hợp với các địa phương, đơn vị được giao phụ trách để hỗ trợ chính quyền địa phương và người dân các biện pháp phòng, chống thiên tai phù hợp.

- Xử lý theo thẩm quyền hoặc kiến nghị Trưởng ban xử lý các tình huống thiên tai và tìm kiếm cứu nạn xảy ra trên địa bàn.

2. Văn phòng Thường trực Ban Chỉ huy PCTT và TKCN tỉnh

- Chủ trì, phối hợp với các địa phương, đơn vị tổ chức thực hiện phương án. Chủ động xây dựng phương án chi tiết để ứng phó với các đợt thiên tai xảy ra cụ thể.

- Chủ trì, phối hợp với các đơn vị: Bộ Chỉ huy Bộ đội Biên phòng tỉnh, Công an tỉnh, Bộ Chỉ huy Quân sự tỉnh tham mưu cho UBND tỉnh, Trưởng Ban Chỉ huy PCTT và TKCN tỉnh huy động lực lượng, phương tiện trên địa bàn hỗ trợ các địa phương trong việc tổ chức phòng, chống và khắc phục hậu quả thiên tai.

- Phối hợp với Đài Khí tượng Thủy văn Quảng Ngãi theo dõi thường xuyên tình hình thời tiết, diễn biến thiên tai, kịp thời ban hành theo thẩm quyền hoặc tham mưu cho Ban Chỉ huy PCTT và TKCN tỉnh, Trưởng Ban Chỉ huy PCTT và TKCN tỉnh, UBND tỉnh các văn bản, Công điện chỉ đạo phòng, tránh và khắc phục hậu quả thiên tai.

- Phối hợp với Sở Tài chính, Lao động - Thương binh và Xã hội, các sở, ngành liên quan tham mưu UBND tỉnh phân bổ nguồn kinh phí, nhu yếu phẩm hỗ trợ các địa phương để cứu trợ khẩn cấp, khắc phục hậu quả thiên tai.

- Thực hiện các nhiệm vụ khác do Trưởng Ban Chỉ huy PCTT và TKCN tỉnh giao.

3. Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn

- Chỉ đạo và hướng dẫn các địa phương thu hoạch hoa màu, chủ động triển khai các biện pháp giảm thiểu thiệt hại đối với sản xuất nông nghiệp, chăn nuôi.

- Theo dõi chỉ đạo, hướng dẫn Công ty TNHH Một thành viên Khai thác công trình thủy lợi Quảng Ngãi, UBND các huyện, thành phố chủ động tích nước và vận hành an toàn các hồ chứa thủy lợi, triển khai các biện pháp bảo vệ đê điều, hồ đập và công trình thủy lợi.

4. Sở Công Thương

- Chỉ đạo các chủ công trình thủy điện, đặc biệt là các hồ chứa thủy điện Đăk Đrinh, Đăk Đre, Hà Nang, Sơn Trà 1... tổ chức tích nước và vận hành an toàn công trình, đảm bảo thực hiện nghiêm túc nội dung các Phương án Ứng phó thiên tai và Quy trình vận hành hồ chứa, liên hồ chứa đã được cấp có thẩm quyền duyệt.

- Triển khai các biện pháp đảm bảo an toàn hệ thống truyền tải điện, lưới điện, sẵn sàng khắc phục nhanh nhất sự cố, hỗ trợ nhân dân ổn định đời sống.

5. Sở Tài nguyên và Môi trường

Chủ động tham mưu cho Trưởng Ban Chỉ huy Phòng, chống thiên tai và Tìm kiếm cứu nạn tỉnh chỉ đạo thực hiện Quy trình vận hành liên hồ chứa trên lưu vực sông Trà Khúc; tổ chức xử lý môi trường, khắc phục sự cố môi trường tại vùng lũ.

6. Sở Giao thông vận tải, Công an tỉnh

Tổ chức kiểm tra, rà soát các vị trí thường xuyên bị sạt lở, ngập lụt trên tuyến Quốc lộ 1A, các tuyến đường Quốc lộ, tỉnh lộ trên địa bàn tỉnh để triển khai ngay các biện pháp đảm bảo an toàn giao thông, duy trì giao thông thông suốt. Bố trí sẵn sàng nhân lực, phương tiện để kịp thời ứng phó, xử lý khi có sự cố xảy ra.

7. Sở Giáo dục và Đào tạo

Chỉ đạo Hiệu trưởng, Giám đốc các cơ sở giáo dục, đào tạo trên địa bàn tỉnh, tùy theo tình hình thực tế tại địa bàn chủ động cho học sinh, sinh viên nghỉ học trong thời gian có bão, lũ để đảm bảo an toàn.

8. Sở Thông tin và Truyền thông

Chỉ đạo đảm bảo thông tin liên lạc thông suốt phục vụ công tác chỉ đạo, điều hành ứng phó với mưa, lũ.

9. Sở Y tế:

- Hướng dẫn cho Ban Chỉ huy PCTT và TKCN các huyện, thị xã, thành phố các biện pháp phòng, chống dịch bệnh Covid-19 trong trường hợp tổ chức di dời, sơ tán dân phòng, chống thiên tai.

- Chỉ đạo các cơ sở y tế sẵn sàng vật tư y tế, thuốc y tế để hỗ trợ người dân khi cần thiết.

- Ưu tiên tiêm phòng Vắc xin phòng, chống Covid-19 cho các lực lượng trực tiếp tham gia công tác phòng, chống thiên tai tại các cấp.

10. Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng các công trình giao thông tỉnh, Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng các công trình dân dụng và công nghiệp tỉnh chủ động theo dõi chặt chẽ diễn biến mưa, lũ, sẵn sàng triển khai phương án đảm bảo an toàn cho người, thiết bị và công trình đang thi công, bố trí điểm dừng kỹ thuật hợp lý tại các công trình đang thi công dở dang.

11. Ban Quản lý Khu kinh tế Dung Quất và các Khu công nghiệp tỉnh, Công ty Cổ phần Lọc hóa dầu Bình Sơn, Công ty Cổ phần Thép Hòa Phát Dung Quất thông báo và hướng dẫn các đơn vị, cơ sở sản xuất chủ động tổ chức các biện pháp đảm bảo an toàn cho người lao động, cơ sở, thiết bị của đơn vị.

12. Bộ Chỉ huy Quân sự tỉnh, Bộ Chỉ huy Bộ đội Biên phòng tỉnh, Công an tỉnh sẵn sàng lực lượng, phương tiện cứu hộ, cứu nạn để kịp thời hỗ trợ các địa phương; đồng thời chỉ đạo các lực lượng vũ trang tại cơ sở chủ động phối hợp với UBND các địa phương thực hiện ứng phó mưa, lũ kịp thời. Bộ Chỉ huy

Quân sự tỉnh chủ trì, điều phối các lực lượng hiệp đồng của Bộ và Quân khu để hỗ trợ các địa phương theo kế hoạch.

13. Đài Phát thanh và Truyền hình Quảng Ngãi, Báo Quảng Ngãi, Đài Khí tượng Thủy văn Quảng Ngãi thường xuyên thông tin về diễn biến mưa, lũ trên các phương tiện thông tin đại chúng để người dân và chính quyền địa phương chủ động theo dõi và tổ chức phòng chống mưa, lũ có hiệu quả.

14. Các sở, ban, ngành liên quan

Theo chức năng, nhiệm vụ của sở, ban, ngành, sẵn sàng lực lượng, phương tiện của đơn vị tham gia hỗ trợ các địa phương phòng, tránh và khắc phục hậu quả thiên tai khi có chỉ đạo của Chủ tịch UBND tỉnh, Trưởng Ban Chỉ huy PCTT và TKCN tỉnh.

15. UBND, Ban Chỉ huy PCTT và TKCN các huyện, thành phố

- Chủ động triển khai kế hoạch di dời, sơ tán dân theo các cấp độ rủi ro thiên tai trên địa bàn; đề xuất Ban Chỉ huy PCTT và TKCN tỉnh hỗ trợ trong các trường hợp vượt quá khả năng của địa phương.

- Phối hợp với các cơ quan, đơn vị liên quan ứng phó thiên tai, xử lý các sự cố và tham gia tìm kiếm cứu hộ, cứu nạn.

16. Đề nghị Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh, các Hội, Đoàn thể tỉnh

Phối hợp chặt chẽ với UBND tỉnh (qua Ban Chỉ huy PCTT và TKCN tỉnh) trong việc huy động nguồn lực, phân bổ các nguồn hàng hóa, nhu yếu phẩm và tài chính hỗ trợ các địa phương phòng, chống và khắc phục hậu quả thiên tai.

Trên đây là nội dung Phương án ứng phó thiên tai và tìm kiếm cứu nạn năm 2021 trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi, yêu cầu các địa phương, đơn vị nghiêm túc triển khai thực hiện./.

Biểu 01: Dân cư tỉnh Quảng Ngãi
(Kèm theo Phương án UPTT và TKCN tỉnh Quảng Ngãi năm 2021)

TT	Huyện, thành phố	Dân tộc (người)		Lao động (người)	Cao tuổi (người)	Trẻ em (người)	Phụ nữ (người)	Neo đơn (người)	Khuyết tật (người)
		Kinh	DT khác						
1	Bình Sơn	181.509	739	122.357	14.644	41.733	91.862	1.013	3.742
2	Sơn Tịnh	100.669	9	52.333	19.559	24.090	43.061	489	2.261
3	Tur Nghĩa	127.589	2.476	73.430	13.926	33.329	52.395	404	2.453
4	Nghĩa Hành	91.069	1.155	50.741	8.515	11.054	39.900	791	1.658
5	Mộ Đức	112.523	70	67.514	17.720	26.768	57.582	133	5.480
6	Thị xã Đức Phổ	121.700	94	73.473		47.309	62.803	93	919
7	Trà Bồng	17.667	35.330	35.168	4.890	16.862	26.065	445	992
8	Sơn Hà	13.349	65.138	43.776	1.292	24.000	29.416	679	803
9	Sơn Tây	2.988	18.237	11.105	918	5.649	7.920	98	194
10	Minh Long	4.720	14.442	10.356	2.282	5.142	7.754	90	214
11	Ba Tơ	10.533	49.229	36.631	5.211	15.071	29.482	343	565
12	Lý Sơn	18.559		10.791	2.011	5.361	9.359	120	426
13	TP Quảng Ngãi	262.057		157.522	29.227	60.645	133.836	363	5.832
	Tổng số:	1.064.932	186.919	745.197	167.504	269.704	591.435	5.061	25.539

Biểu 02: Dân sinh và Nhà ở trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi - Năm 2021
(Kèm theo Phương án UPTT và TKCN tỉnh Quảng Ngãi năm 2021)

TT	Huyện	Dân sinh					Nhà ở			
		Tổng số hộ trên địa bàn	Số dân SX Nông-Lâm-Ngư (hộ)	Số dân SX phi NN (hộ)	Số hộ nghèo (hộ)	Số hộ cận nghèo (hộ)	Nhà kiên cố (nhà)	Nhà bán kiên cố (nhà)	Nhà thiếu kiên cố (nhà)	Nhà đơn sơ (nhà)
1	Bình Sơn	60.346	46.154	13.176	2.870	4.298	39.297	16.110	5.724	22
2	Sơn Tịnh	26.247	17.410	8.837	507	976	13.596	10.465	1.315	5
3	Tur Nghĩa	39.905	26.873	9.618	1.216	2.198	17.964	14.144	1.484	181
4	Nghĩa Hành	36.857	29.909	7.153	1.581	3.438	11.992	10.548	1.214	109
5	Mộ Đức	35.042	24.124	9.624	1.467	2.354	13.904	16.073	3.686	
6	Thị xã Đức Phổ	41.596	24.126	13.483	1.485	2.502	26.114	10.276	192	85
7	Trà Bồng	13.863	10.642	3.052	4.941	3.065	1.332	10.325	2.075	
8	Sơn Hà	21.918	17.124	2.953	3.217	1.877	7.329	11.814	2.101	1.282
9	Sơn Tây	5.625	4.701	650	1.863	131	2.845	1.697	521	104
10	Minh Long	5.161	4.159	892	915	106	2.515	2.059	213	26
11	Ba Tơ	16.240	14.240	2.003	4.337	2.306	7.039	7.793	1.465	251
12	Lý Sơn	6.105	3.963	1.466	412	264	1.720	2.315	820	120
13	TP Quảng Ngãi	71.253	17.783	43.396	978	2.069	34.912	26.825	5.157	181
	Tổng số:	380.158	241.208	116.303	25.789	25.584	180.559	140.444	25.967	2.366

*** Hướng dẫn phân loại nhà của Bộ Xây dựng:**

- Nhà kiên cố là nhà có 3 kết cấu chính: cột, mái, tường đều được làm bằng vật liệu bền chắc (BTCT, xây gạch đá, sắt, thép, gỗ bền chắc).
- Nhà bán kiên cố là nhà có 2 trong 3 kết cấu chính: cột, mái, tường đều được làm bằng vật liệu bền chắc (BTCT, xây gạch đá, sắt, thép, gỗ bền chắc).
- Nhà thiếu kiên cố là nhà có 1 trong 3 kết cấu chính: cột, mái, tường được làm bằng vật liệu không bền chắc (gỗ tạp, tre, ngói, tấm lợp, lá, rơm, ra, đất, phiên, liếp, ván ép...).

Biểu 03: Công trình có thể sơ tán dân đến trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi - Năm 2021
(Kèm theo Phương án UPTT và TKCN tỉnh Quảng Ngãi năm 2021)

STT	Huyện/thành phố	Số điểm công trình sơ tán tập trung (điểm)	Sức chứa (người)	Ghi chú
1	Bình Sơn		80.801	Trụ sở cơ quan, nhà máy, trạm y tế, trường học, khách sạn, nhà dân kiên cố
2	Sơn Tịnh		31.713	Trụ sở UBND xã, HTX, nhà văn hóa thôn, trạm y tế, trường học và nhà dân kiên cố
3	Tư Nghĩa		48.976	Trụ sở cơ quan, trường học, trạm y tế, nhà văn hóa, nhà dân kiên cố
4	Nghĩa Hành		28.880	Trụ sở UBND xã, nhà văn hóa thôn, trạm y tế, trường học.
5	Mộ Đức		41.234	Các trụ sở cơ quan hành chính huyện, xã, các trường học, Bệnh viện, các Trạm Y tế, nhà văn hóa thôn, tổ dân phố, nhà tránh lũ, nhà dân kiên cố.
6	Thị xã Đức Phổ	203	11.650	Trụ sở UBND các xã, và thị trấn, trường học, Trụ sở UBND huyện, Đoàn Biên phòng, Trạm Kiểm soát Biên phòng Mỹ Á
7	Trà Bồng	148	19.961	Trụ sở các cơ quan, trường học, trường Mẫu giáo thôn, nhà sinh hoạt cộng đồng thôn, nhà văn hóa xã và nhà dân kiên cố
8	Sơn Hà	209	32.400	Trụ sở UBND các xã, trường học, trạm y tế, nhà văn hóa thôn.
9	Sơn Tây		2.400	Trụ sở UBND xã, trường tiểu học, trường mẫu giáo, nhà văn hóa thôn và nhà dân kiên cố
10	Minh Long		7.280	Trụ sở UBND xã, trường tiểu học, trường mẫu giáo, nhà văn hóa thôn và nhà dân kiên cố
11	Ba Tơ	238	41.190	Trụ sở UBND xã, nhà văn hóa thôn, trạm y tế, trường học và nhà dân kiên cố
12	Lý Sơn		3.484	Trụ sở cơ quan, trường học, trạm y tế, nhà văn hóa thôn, khách sạn và nhà dân kiên cố
13	Thành phố Quảng Ngãi		61.300	Trụ sở cơ quan, trường học, khách sạn lớn trên địa bàn thành phố
	Tổng số:	798	411.269	

Biểu 04: Thống kê số liệu khu neo đậu tàu thuyền trú tránh bão
(Kèm theo Phương án UPTT và TKCN tỉnh Quảng Ngãi năm 2021)

TT	Tên	Cấp KNĐ TTB (vùng/tỉnh)	Địa chỉ (xã huyện)	Tọa độ KNĐ TTB (Vĩ độ - N, Kinh độ - E)	Độ sâu vùng nước đậu tàu (m)	Sức chứa tàu cá tại vùng nước đậu tàu (chiếc)	Loại tàu lớn nhất được vào KNĐ TTB (m)	Vị trí bắt đầu của luồng vào (Vĩ độ - N, Kinh độ - E)	Hướng của luồng	Chiều dài luồng (m)	Thông tin thường trực tại KNĐ TTB	
											Số điện thoại	Tần số liên lạc (kHz)
1	Cảng neo trú tàu thuyền Lý Sơn	Cấp tỉnh	An Hải, Lý Sơn	15°26'30"N; 109°19'00"E	3,0	500	24	15°21'30"N; 109°04'00"E	Nam - Bắc	378	0255.3862686; 0917964621	9015
2	Cảng neo trú tàu thuyền Tịnh Hòa	Cấp tỉnh	Tịnh Hòa, TP. Quảng Ngãi	15°12'24"N; 108°53'19"E	3,2	350	24	15°12'12"N; 108°55'33"E	Đông - Tây	1.810	0255.3687577; 0386660762	
3	Cảng neo trú tàu thuyền Mỹ Á	Cấp tỉnh	Phổ Quang, Đức Phổ	14°49'54"N; 108°59'51"E	3,9	400	24	14°49'54"N; 109°00'15"E	Đông - Tây	589	0255.3772068; 0919045278	
4	Khu neo đậu tránh trú bão Sa Huỳnh	Cấp tỉnh	Phổ Châu, Đức Phổ	14°40'32"N; 109°04'16"E	2,5-4,0	500	24	14°40'00"N; 109°04'14"E	Nam - Bắc	1.900	0255.3981155	

Biểu 05: Tổng hợp số liệu tàu thuyền đánh bắt hải sản trên biển
(Kèm theo Phương án UPTT và TKCN tỉnh Quảng Ngãi năm 2021)

TT	Huyện, thành phố	Số lượng tàu				Ngư trường đánh bắt chính
		Ven bờ (tàu)	Vùng lòng (tàu)	Vùng khơi (tàu)	Có thiết bị quan sát (tàu)	
1	Bình Sơn	312	339	647	432	Trường Sa, Hoàng Sa
2	Thị xã Đức Phổ	229	197	1.407	1.534	Trường Sa, Hoàng Sa, phía Nam Vịnh Bắc Bộ, vùng biển Quảng Ngãi
3	Mộ Đức	343	37	0	0	Trong tỉnh Quảng Ngãi
4	Lý Sơn	725	555	170	93	Hoàng Sa, Trường Sa
5	Thành phố Quảng Ngãi	232	342	1.222	884	Hoàng Sa, Trường Sa



Biểu 06: Tổng hợp số liệu lồng bè nuôi trồng thủy sản
(Kèm theo Phương án UPTT và TKCN tỉnh Quảng Ngãi năm 2021)

TT	Huyện	Lồng (cái)	Bè (cái)	Tổng (cái)	Khu vực nuôi trồng
I	NƯỚC MẶN, LỢ				
1	Thị xã Đức Phổ	315	0	315	Đầm nước mặn Phố Thanh
2	Mộ Đức	5	0	5	Lưu vực cuối sông vệ (Phía Tây Nam Cửa Lở, xã Đức Lợi)
3	Lý Sơn	1.580	53	1.633	Vùng neo trú tàu thuyền
II	NƯỚC NGỌT				
1	Thị xã Đức Phổ	40	0	40	Hồ Liệt Sơn, Hồ An Thọ
2	Mộ Đức	2	0	2	Hồ Hóc Sầm (xã Đức Phú)
3	TP. Quảng Ngãi	40	2	42	Sông Kinh Gianh
4	Ba Tư	5	0	5	Hồ Suối Loa
5	Sơn Hà	25	0	25	Hồ chứa nước trong xã Sơn Bao, Hồ Đồng giang xã Sơn Giang, Lòng hồ đập Thạch Nham, xã Sơn Nham
6	Sơn Tịnh	102	0	102	Thôn An Thọ, thôn Tây, xã Tịnh Sơn (Tại sông Trà Khúc)
7	Tur Nghĩa	2	0	2	Nghĩa Thắng

Biểu 07: Tổng hợp số liệu sản xuất nông nghiệp chính
(Kèm theo Phương án UPTT và TKCN tỉnh Quảng Ngãi năm 2021)

TT	Huyện, thị xã, thành phố	Lúa (ha)	Hoa màu (ha)	Cây lâu năm (ha)	Rừng sản xuất (ha)	Đàn gia súc (con)	Đàn gia cầm (con)
1	Bình Sơn	9.844,79	8.125,34	1.063,60	7.154,94	177.255	1.900.000
2	Thị xã Đức Phổ	10.200,00	453,00	440,00	11.241,54	38.120	763.000
3	Mộ Đức	5.100,00	4.500,00	1.290,00	3.212,00	116.500	600.000
4	Lý Sơn		325,00			830	16.200
5	Thành phố Quảng Ngãi	2.808,40	3.217,00	957,30	602,00	48.300	780.000
6	Ba Tơ	2.911,11	700,00	300,00	57.106,25	62.900	114.200
7	Trà Bồng	1.681,00	1.134,00	750,00	4.700,00	35.800	109.000
8	Sơn Hà	5.640,00	7.658,00	7.437,64	13.820,30	60.147	216.800
9	Sơn Tây	740,8	1.025	12.577,80	17.252,20	19.440	41.088
10	Minh Long	780,00	26,42	179,45	21.233,40	17.364	67.700
11	Nghĩa Hành	3.100,00	3.160,00	800,00	9.270,00	85.842	484.000
12	Sơn Tịnh	42.806,10	30.323,76	25.795,79	145.592,63	75.922	747.500
13	Tư Nghĩa	7.813,00	3.945,00	200,00	3.580,93	94.024	354.713

Biểu 08: Lực lượng PCTT và TKCN tỉnh Quảng Ngãi - Năm 2021
(Kèm theo Phương án UPTT và TKCN tỉnh Quảng Ngãi năm 2021)

TT	Lực lượng tại chỗ	Số lượng (người)	Ghi chú
I	Cấp tỉnh	8.960	
1	Thành viên Ban Chỉ huy PCTT và TKCN	30	
2	Thành viên VPTT BCH PCTT và TKCN	17	
3	Quân sự	7.608	
4	Biên phòng	120	
5	Công an	250	
9	Các lực lượng hiệp đồng khác	935	Hải quân Vùng 3, Cảnh sát biển 2, Sư đoàn BB10, CB7, BB307, BB315, CB270
II	Cấp huyện	1.512	
1	Thành viên Ban Chỉ huy PCTT và TKCN	390	
2	Thành viên VPTT BCH PCTT và TKCN	65	
3	Quân sự	280	
4	Biên phòng	75	
5	Công an	260	
6	Đoàn thanh niên (TNKK)	390	
7	Hội Chữ thập đỏ	26	
8	Hội Liên hiệp Phụ nữ	26	
III	Cấp xã	11.245	
1	Thành viên Ban Chỉ huy PCTT và TKCN	3.460	
2	Đội xung kích PCTT	6.920	
3	Công an	519	
7	Hội Chữ thập đỏ	173	
8	Hội Liên hiệp Phụ nữ	173	
	Tổng số:	21.717	

Biểu 09: TRANG THIẾT BỊ, PHƯƠNG TIỆN TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH
(Kèm theo Phương án UPTT và TKCN tỉnh Quảng Ngãi năm 2021)

TT	Trang thiết bị	Đơn vị tính	Số lượng
1	Xe cứu hộ	Chiếc	42
2	Xe tải	Chiếc	65
3	Ca nô các loại	Chiếc	31
4	Tàu TKCN	Chiếc	23
5	Tàu Vận tải biển	Chiếc	1
6	Tàu CN-09	Chiếc	1
7	Xuồng Cao tốc ST 660	Chiếc	9
8	Xuồng Cao tốc ST 750	Chiếc	4
9	Xuồng ST 1200	Chiếc	3
10	Xuồng CN-01	Chiếc	2
11	Xuồng cao tốc ST450(Không máy)	Chiếc	11
12	Xuồng cao su ST420 (Không máy)	Chiếc	3
13	Xuồng cao su ST220 (Không máy)	Chiếc	2
14	Xuồng VSN 1500 (Không máy)	Chiếc	77
15	Xuồng các loại khác	Chiếc	28
16	Thuyền nhôm các loại	Chiếc	137
17	Máy đẩy các loại	Chiếc	30
18	Nhà bạt 16,5 m2	Bộ	228
19	Nhà bạt 24,75 m2	Bộ	167
20	Nhà bạt 60 m2	Bộ	60
21	Phao tròn	Cái	11.937
22	Phao áo	Cái	12.748
23	Phao bè	Cái	151
24	Máy phát điện	Cái	213
25	Máy bơm chữa cháy	Cái	36
26	Thiết bị chữa cháy	Bộ	805
27	Tấm hút dầu	Tấm	324
28	Pháo hiệu	Cái	550
29	Máy cắt thực bì chữa cháy	Cái	16
30	Thiết bị đốt rác thải nhiễm dầu	Cái	1
31	Đèn cứu hộ, đèn pin	Cái	687
32	Máy ICOM	Chiếc	154
33	Loa cầm tay	Chiếc	212
34	Thiết bị khoan cắt bê tông	Cái	3

Biểu 10: Kế hoạch sơ tán dân phòng, tránh bão trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi
(Kèm theo Phương án UPTT và TKCN tỉnh Quảng Ngãi năm 2021)

TT	Địa điểm	Cấp độ 3 (cấp 10 - 11)		Cấp độ 4 (cấp 12 - 15)		Cấp độ 5 (Siêu bão)		Nơi đến	Lực lượng ứng phó	Người chỉ huy/ chức vụ
		Hộ	Khẩu	Hộ	Khẩu	Hộ	Khẩu			
	TỔNG CỘNG:	22.294	79.130	52.175	194.184	70.447	263.458			
I	Huyện Bình Sơn	7.593	26.420	25.517	93.017	25.517	93.017	Ưu tiên bố trí	- Đội xung kích PCTT xã (40 - 50 người/ xã); - Các lực lượng huyện (Quân sự, Biên phòng, Công an): 60 người; - Bộ Chỉ huy Bộ đội Biên phòng tỉnh (120 người), SĐT: 3820.469, Fax: 3714.321 (đối với các xã ven biển); - Bộ Chỉ huy Quân sự tỉnh: 300 người (SĐT: 3822.738) - Sư đoàn BB315/QK5 (150 người), SĐT: 715.115 (đối với các xã đồng bằng) - Lữ đoàn CB270/QK5 (25 người), SĐT: 713.506	- Chỉ huy hiện trường: ông Võ Văn Đồng, Chủ tịch UBND huyện, TB BCH PCTT và TKCN huyện - (SĐT: 0913.078.867) - Phối hợp: ông Đỗ Ngọc Nam, Chỉ huy trưởng Bộ Chỉ huy Bộ đội Biên phòng tỉnh (SĐT: 0982.256.783); - Tại xã: Chủ tịch UBND các xã, thị trấn.
1	Xã Bình Minh	490	1.548	1.250	2.750	1.250	2.750	xen ghép và		
2	Xã Bình Hòa	145	525	700	2.825	700	2.825	tại Trường		
3	Xã Bình Hiệp	303	1.209	303	1.209	303	1.209	học, UBND		
4	Xã Bình Tân Phú	796	2.849	1.154	3.986	1.154	3.986	xã, Trạm Y tế		
5	Xã Bình Thạnh	200	754	3.499	13.858	3.499	13.858	xã		
6	Xã Bình Chánh	566	1.744	1.215	3.983	1.215	3.983	xã		
7	Xã Bình Thuận	1.594	5.223	2.000	8.191	2.000	8.191			
8	Xã Bình Trị	56	170	826	2.395	826	2.395			
9	Xã Bình Thanh	179	727	900	3.170	900	3.170			
10	Xã Bình An	88	753	450	1.605	450	1.605			
11	Xã Bình Khương	30	114	800	2.990	800	2.990			
12	Xã Bình Trung	95	321	767	2.987	767	2.987			
13	Xã Bình Mỹ	458	1.691	706	2.399	706	2.399			
14	Xã Bình Chương	95	440	850	3.400	850	3.400			
15	Xã Bình Long	85	265	700	2.450	700	2.450			
16	Xã Bình Nguyên	90	405	800	3.370	800	3.370			
17	Xã Bình Đông	215	856	700	2.950	700	2.950			
18	Xã Bình Phước	221	577	1.980	6.775	1.980	6.775			
19	Xã Bình Dương	244	602	760	2.078	760	2.078			
20	Xã Bình Hải	417	908	2.871	10.078	2.871	10.078			
21	Xã Bình Châu	500	2.100	950	4.350	950	4.350			
22	Thị trấn Châu Ổ	726	2.639	1.336	5.218	1.336	5.218			
II	Huyện Sơn Tịnh	685	2.362	1.380	5.036	1.538	5.650	Ưu tiên bố trí		- Chi huy hiện trường: ông Nguyễn Mạnh Cường, Chủ tịch UBND huyện, TB BCH PCTT và TKCN huyện (SĐT: 40
1	Xã Tịnh Giang	62	216	81	288	81	288	xen ghép và		
2	Xã Tịnh Sơn	115	505	137	594	183	810	tại Trường		
3	Xã Tịnh Hiệp	30	106	67	279	113	440	học, UBND		
4	Xã Tịnh Bình	16	62	95	385	120	491			

TT	Địa điểm	Cấp độ 3 (cấp 10 - 11)		Cấp độ 4 (cấp 12 - 15)		Cấp độ 5 (Siêu bão)		Nơi đến	Lực lượng ứng phó	Người chỉ huy/ chức vụ
		Hộ	Khẩu	Hộ	Khẩu	Hộ	Khẩu			
5	Xã Tịnh Bắc	59	206	189	724	189	724	Xã, Trạm Y tế Xã, Trạm Y tế	người; - Sư đoàn BB315/QK5 (100 người), SĐT: 715.115	0914.241.478) - Phối hợp: ông Nguyễn Văn Luyện - Giám đốc Sở Tài chính (SĐT: 0913.427.920); - Tại xã: Chủ tịch UBND các xã, thị trấn.
6	Xã Tịnh Trà			70	253	70	253			
7	Xã Tịnh Đông	193	663	193	663	193	663			
8	Xã Tịnh Minh	203	577	333	992	374	1.123			
10	Xã Tịnh Thọ			140	576	140	576			
11	Xã Tịnh Phong	7	27	75	282	75	282			
III	Huyện Tư Nghĩa	229	696	415	1.666	830	3.163			
1	Xã Nghĩa Hòa	95	448	219	1.006	374	1.689	Ưu tiên bố trí xen ghép và tại Trường học, UBND xã, Trạm Y tế xã	- Đội xung kích PCTT xã (40 - 50 người/ xã); - Các lực lượng huyện (Quân sự, Công an): 40 người	- Chỉ huy hiện trường: ông Nguyễn Đăng Vinh, chủ tịch UBND huyện; Trưởng ban BCH PCTT và TKCN huyện (SĐT: 0979.699.226) - Phối hợp: ông Lê Văn Vin, Phó Bí thư Tỉnh đoàn Quảng Ngãi (SĐT: 0914.775.995) - Tại xã: Chủ tịch UBND các xã, thị trấn.
2	Thị trấn La Hà	134	248	196	660	312	894			
						94	403			
2	Thị trấn Sông Vệ					50	177			
3	Xã Nghĩa Điền									
IV	Huyện Nghĩa Hành	375	1.208	808	2.505	1.630	5.144			
1	Xã Hành Tín Đông	50	173	54	173	102	342	Ưu tiên bố trí xen ghép và tại Trường học, UBND xã, Trạm Y tế xã	- Đội xung kích PCTT xã (40 - 50 người/ xã); - Các lực lượng huyện (Quân sự, Công an): 40 người; - Lữ đoàn CB7/QĐ3 (100 người), SĐT: 734815 (TBTC); fax: 734821 - Bộ Chỉ huy Quân sự tỉnh: 300 người (SĐT:	- Chỉ huy hiện trường: ông Đinh Xuân Sâm, Chủ tịch UBND huyện, TB BCH PCTT và TKCN huyện (SĐT: 0914.113.898) - Phối hợp: ông Lê Nhân - Phó Giám đốc Sở Giao thông vận tải (SĐT: 0917.983.979); - Tại xã: Chủ tịch UBND các xã, thị trấn.
2	Xã Hành Tín Tây	25	72	133	508	301	1.038			
3	Xã Hành Thiện			75	179	174	457			
4	Xã Hành Thịnh	47	185	50	185	114	352			
5	Xã Hành Phước			74	214	117	308			
6	Xã Hành Đức	139	488	145	518	145	518			
7	Xã Hành Trung	10	19	51	136	60	110			
8	Xã Hành Minh	33	83	59	151	67	193			
9	Xã Hành Dũng	35	75	35	93	70	154			
10	Xã Hành Nhân	19	55	57	176	306	1.056			

TT	Địa điểm	Cấp độ 3 (cấp 10 - 11)		Cấp độ 4 (cấp 12 - 15)		Cấp độ 5 (Siêu bão)		Nơi đến	Lực lượng ứng phó	Người chỉ huy/ chức vụ
		Hộ	Khẩu	Hộ	Khẩu	Hộ	Khẩu			
11	Xã Hành Thuận	7	28	48	110	92	320		3822.738)	
12	Thị trấn Chợ Chùa	10	30	27	62	82	296			
V	Huyện Mộ Đức	2.621	9.174	3.897	13.640	6.282	21.987			
1	Xã Đức Phú	190	665	240	840	450	1.575	Ưu tiên bố trí	- Đội xung kích PCTT	- Chỉ huy hiện trường: ông Phạm
2	Xã Đức Hòa	205	718	240	840	470	1.645	xen ghép và	xã (40 - 50 người/ xã);	Ngọc Lâm, Chủ tịch UBND
3	Xã Đức Tân	190	665	245	858	367	1.285	tại Trường	- Các lực lượng huyện	huyện, TB BCH PCTT và TKCN
4	Xã Đức Phong	260	910	400	1.400	775	2.713	học, UBND	(Quân sự, Công an,	huyện (SĐT: 0914.011.001)
5	Xã Đức Thắng	225	788	280	980	470	1.645	xã, Trạm Y tế	Biên phòng): 50 người;	- Phối hợp: ông Phạm Minh Đức -
6	Xã Đức Lợi	320	1.120	520	1.820	785	2.748	xã	- Sư đoàn BB10/QĐ3	Phó Giám đốc Sở Y tế (SĐT:
7	Xã Đức Minh	220	770	342	1.197	520	1.820		(250 người), SĐT:	0914.182.908);
8	Xã Đức Nhuận	150	525	270	945	385	1.348		738115.	- Tại xã: Chủ tịch UBND các xã,
9	Xã Đức Thạnh	165	578	300	1.050	395	1.383		- Sư đoàn BB307/QK5	thị trấn.
10	Xã Đức Hiệp	185	648	245	858	475	1.663		(40 người), SĐT:	
11	Xã Đức Chánh	210	735	320	1.120	505	1.768		764.115	
12	Thị trấn Mộ Đức	160	560	285	998	395	1.383			
13	Xã Đức Lân	141	494	210	735	290	1.015			
VI	Thị xã Đức Phổ	2.626	9.628	3.560	13.403	4.516	16.446			
1	Phường Phổ Minh	471	1.613	556	1.777	651	2.009	Ưu tiên bố trí	- Đội xung kích PCTT	- Chỉ huy hiện trường: ông Vũ
2	Phường Phổ Văn	598	2.389	598	2.389	598	2.389	xen ghép và	xã (40 - 50 người/ xã);	Minh Tâm, Chủ tịch UBND thị
3	Xã Phổ Cường	59	174	59	174	59	174	tại Trường	- Các lực lượng huyện	xã, TB BCH PCTT và TKCN
4	Xã Phổ An	85	166	173	325	230	690	học, UBND	(Quân sự, Công an,	huyện (SĐT: 0983.972.816)
5	Xã Phổ Khánh	697	2.335	697	2.335	697	2.335	xã, Trạm Y tế	Biên phòng): 50 người;	- Phối hợp: ông Nguyễn Xuân
6	Xã Phổ Châu	19	69	30	90	60	180	xã	- Sư đoàn BB307/QK5	Bắc - Phó Giám đốc Sở Kế hoạch
7	Phường Phổ Quang	81	362	214	1.038	214	1.038		(40 người), SĐT:	và Đầu tư (SĐT: 0914.120.317);
8	Xã Phổ Nhơn	142	533	170	580	200	650		764.115	- Tại xã, phường: Chủ tịch UBND
9	Phường Phổ Vinh	86	274	281	1.136	292	1.176		- Cảnh sát biển 2 (20	các xã, phường.
10	Xã Phổ Thuận	67	442	67	442	390	1.258		người): SĐT: 714815,	
11	Xã Phổ Phong	58	216	58	216	200	600		Fax: 714816;	
12	Phường Phổ Thạnh	189	809	447	2.180	573	2.755		- Bộ Chỉ huy Quân sự	
13	Phường Phổ Hòa			115	431	115	431		tỉnh: 300 người (SĐT:	
14	Phường Phổ Ninh	74	246	95	290	130	440		3822.738)	

TT	Địa điểm	Cấp độ 3 (cấp 10 - 11)		Cấp độ 4 (cấp 12 - 15)		Cấp độ 5 (Siêu bão)		Nơi đến	Lực lượng ứng phó	Người chỉ huy/ chức vụ
		Hộ	Khẩu	Hộ	Khẩu	Hộ	Khẩu			
15	Phường Nguyễn Nghiêm					107	321			
VII	Huyện Trà Bồng	1.717	6.101	4.785	19.642	4.840	20.008			
1	Xã Trà Hiệp			449	2.012	449	2.012	Ưu tiên bố trí xen ghép và tại Trường học, UBND xã, Trạm Y tế xã	- Đội xung kích PCTT xã (40 - 50 người/ xã); - Các lực lượng huyện (Quân sự, Công an): 50 người; - Sư đoàn BB315/QK5 (100 người), SĐT: 715.115	- Chỉ huy hiện trường: ông Trần Anh Ngọc, Chủ tịch UBND huyện, TB BCH PCTT và TKCN huyện (SĐT: 0914.226.744) - Phối hợp: ông Lê Xuân Hùng - Phó Giám đốc Công an tỉnh (SĐT: 0913.470.135); - Tại xã: Chủ tịch UBND các xã, thị trấn.
2	Xã Trà Lâm			433	1.987	433	1.987			
3	TT Trà Xuân			218	852	218	852			
4	Xã Trà Bùi	58	247	58	247	58	247			
5	Xã Trà Tân			30	101	30	101			
6	Xã Trà Giang	125	492	125	492	125	492			
7	Xã Trà Bình	94	331	346	1.127	346	1.127			
8	Xã Trà Sơn	86	359	86	359	86	359			
9	Xã Trà Thủy	140	563	715	2.803	715	2.803			
10	Xã Trà Phong	823	2.476	1.113	4.585	1.113	4.585			
11	Xã Trà Tây	135	665	135	665	150	724			
12	Xã Hương Trà	120	382	293	866	333	1.173			
13	Xã Sơn Trà	102	467	102	467	102	467			
14	Xã Trà Thanh			524	2.523	524	2.523			
15	Xã Trà Xinh	34	119	158	556	158	556			
XIII	Huyện Sơn Hà	2.192	6.845	3.859	13.287	5.441	20.572			
1	Xã Sơn Giang			105	289	128	431	Ưu tiên bố trí xen ghép và tại Trường học, UBND xã, Trạm Y tế xã	- Đội xung kích PCTT xã (40 - 50 người/ xã); - Các lực lượng huyện (Quân sự, Công an): 50 người;	- Chỉ huy hiện trường: Bà Đình Thị Trà, Chủ tịch UBND huyện, TB BCH PCTT và TKCN huyện (SĐT: 0914.482.487) - Phối hợp: ông Nguyễn Quốc Tân - Phó Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường (SĐT: 0903.581.810); - Tại xã: Chủ tịch UBND các xã, thị trấn.
2	Xã Sơn Ba	64	269	64	269	64	269			
3	Xã Sơn Hạ	91	364	109	422	1.055	4.807			
4	Xã Sơn Thủy	33	132	33	132	33	132			
5	Xã Sơn Nham			170	599	170	599			
6	Xã Sơn Thành	2.004	6.080	2.004	6.080	2.004	6.080			
7	Xã Sơn Cao			628	2.950	628	2.950			
8	Xã Sơn Thượng			242	882	855	3.640			
9	Xã Sơn Trung			449	1.439	449	1.439			
10	Thị trấn Di Lăng			55	225	55	225			

TT	Địa điểm	Cấp độ 3 (cấp 10 - 11)		Cấp độ 4 (cấp 12 - 15)		Cấp độ 5 (Siêu hảo)		Nơi đến	Lực lượng ứng phó	Người chỉ huy/ chức vụ
		Hộ	Khẩu	Hộ	Khẩu	Hộ	Khẩu			
IX	Huyện Sơn Tây	58	232	68	277	68	277			
1	Xã Sơn Tân	37	154	37	154	37	154	Ưu tiên bố trí xen ghép và tại Trường học, UBND xã, Trạm Y tế xã	- Đội xung kích PCTT xã (40 - 50 người/ xã); - Các lực lượng huyện (Quân sự, Công an): 40 người;	- Chỉ huy hiện trường: ông Nguyễn Ngọc Trân, Chủ tịch UBND huyện, TB BCH PCTT và TKCN huyện (SDT: 0913.470.499)
2	Xã Sơn Màu	16	60	16	60	16	60			- Phối hợp: ông Nguyễn Đức Huy - PGD Sở Công Thương (SDT: 0916.009.768); - Tại xã: Chủ tịch UBND các xã.
3	Xã Sơn Lập	15	63	15	63	15	63			
X	Huyện Minh Long	150	415	1.404	5.436	1.404	5.436			
1	Xã Long Môn	28	91	296	1.210	296	1.210	Ưu tiên bố trí xen ghép và tại Trường học, UBND xã, Trạm Y tế xã	- Đội xung kích PCTT xã (40 - 50 người/ xã) - Các lực lượng huyện (Quân sự, Công an): 40 người;	- Chỉ huy hiện trường: ông Đinh Văn Diết, Chủ tịch UBND huyện, TB BCH PCTT và TKCN huyện (SDT: 0911.434.589). - Phối hợp: ông Trần Sỹ - PGD Sở Giáo dục và Đào tạo (SDT: 0913.427.605) - Tại xã: Chủ tịch UBND các xã.
2	Xã Thanh An	47	140	47	140	47	140			
3	Xã Long Sơn	75	184	1.061	4.086	1.061	4.086			
XI	Huyện Ba Tơ	587	2.057	616	2.173	1.850	6.612			
1	Xã Ba Đông	31	64	41	106	48	149			- Chỉ huy hiện trường: ông Phạm Giang Nam, Phó Chủ tịch UBND huyện, PTB BCH PCTT và TKCN huyện (SDT: 0913.418.400).
2	Xã Ba Khâm	224	737	224	737	224	737			- Phối hợp: ông Võ Văn Bá, Chỉ huy trưởng BCH Quân sự tỉnh
3	Xã Ba Tiêu					665	2481			
4	Xã Ba Nam	25	110	25	110	25	110			
5	Xã Ba Vinh	24	95	24	95	24	95			
6	Xã Ba Liên	15	47	15	47	15	47			
7	Xã Ba Ngạc					106	361			

TT	Địa điểm	Cấp độ 3 (cấp 10 - 11)		Cấp độ 4 (cấp 12 - 15)		Cấp độ 5 (Siêu bão)		Nơi đến	Lực lượng ứng phó	Người chỉ huy/ chức vụ
		Hộ	Khẩu	Hộ	Khẩu	Hộ	Khẩu			
8	Xã Ba Giang	26	92	26	92	26	92			
9	Xã Ba Thành	40	156	40	156	40	156		3822.738)	(SDT: 0905.336.625);
10	Xã Ba Vi	51	197	51	197	51	197		- Sư đoàn BB307/QK5	- Tại xã: Chủ tịch UBND các xã.
11	Xã Ba Diên	26	70	45	144	45	144		(40 người), SDT:	
12	Thị trấn Ba Tơ	100	407	100	407	100	407		764.115	
13	Xã Ba Dinh	25	82	25	82	25	82			
14	Xã Ba Tô					456	1554			
XII	Huyện Lý Sơn	145	375	340	998	2.828	11.989			
								Ưu tiên bố trí xen ghép và tại Trường học, Khách sàn, trụ sở cơ quan	- Đội xung kích PCTT (50 người) - Các lực lượng huyện (Quân sự, Công an, Biên phòng): 50 người; - Cảnh sát biển 2 (20 người): SDT: 714815, Fax: 714816; - Bộ tư lệnh Vùng 3 Hải Quân (25 người) SDT: 778245; Fax: 778307;	- Chỉ huy hiện trường: Bà Phạm Thị Hương, Chủ tịch UBND huyện, TB BCH PCTT và TKCN huyện (SDT: 0985.075.258). - Phối hợp: ông Đỗ Ngọc Nam, Chỉ huy trưởng Bộ Chỉ huy Bộ đội Biên phòng tỉnh (SDT: 0982.256.783);
2	Các thôn An Hải	85	195	125	585	1.308	5.315			
3	Thôn Bắc An Bình	10	30	15	42	140	544			
XIII	TP Quảng Ngãi	3.316	13.617	5.526	23.104	13.703	53.157			
1	Xã Tịnh An	13	23	135	384	162	432	Ưu tiên bố trí	- Đội xung kích PCTT (50 người) - Các lực lượng huyện (Quân sự, Công an, Biên phòng): 50 người; - Bộ tư lệnh Vùng 3 Hải Quân (25 người) SDT: 778245; Fax: 778307;	- Chỉ huy hiện trường: ông Hà Hoàng Việt Phương, Chủ tịch UBND thành phố, TB BCH PCTT và TKCN thành phố (SDT: 0914.128.888).
2	Xã Tịnh Long	14	43	117	401	117	401	xen ghép và		
3	Xã Nghĩa Phú	97	424	97	424	97	424	tại Trường		
4	Xã Nghĩa An	22	104	75	310	400	1.884	học, UBND		
5	Xã Nghĩa Đông	117	415	133	568	141	602	xã, Trăm Y tế		
6	Xã Tịnh An Tây	189	740	209	796	288	1.117	xã		
7	Xã Tịnh Hòa			174	472	174	472			
8	Xã Nghĩa Hà	238	681	296	849	2.734	10.936			
9	Phường Quảng Phú	91	372	186	699	2.769	8.307			

TT	Địa điểm	Cấp độ 3 (cấp 10 - 11)		Cấp độ 4 (cấp 12 - 15)		Cấp độ 5 (Siêu bão)		Nơi đến	Lực lượng ứng phó	Người chỉ huy/ chức vụ
		Hộ	Khẩu	Hộ	Khẩu	Hộ	Khẩu			
10	P. Trương Quang Trọng	1.558	6.876	1.558	6.876	1.558	6.876	tỉnh: 300 người (SDT: 3822.738)	các xã, phường.	
11	Xã Tịnh Kỳ	500	2.000	719	3.850	2.219	10.850			
12	Xã Tịnh Thiện	390	1.668	1.385	5.954	1.564	6.758			
13	Xã Tịnh Châu	82	254	82	254	82	254			
14	Xã Tịnh Khê			100	341	100	341			
15	Phường Trần Phú	5	17	15	45	15	45			
16	P. Lê Hồng Phong			51	185	51	185			
17	Xã Nghĩa Dũng			104	307	665	1.195			
18	P. Trần Hưng Đạo			42	167	42	167			
19	Xã Tịnh An Đông					477	1.689			
20	Phường Chánh Lộ			48	222	48	222			

Biểu 11: Kế hoạch di dời, sơ tán dân khi có lũ, lụt xảy ra
(Kèm theo Phương án UPTT và TKCN tỉnh Quảng Ngãi năm 2021)

TT	Địa điểm	BD3		BD3+ 1m		BD3 + 2m		Lịch sử		Nơi đến	Lực lượng ứng phó	Người chỉ huy/ chức vụ
		Hộ	Khẩu	Hộ	Khẩu	Hộ	Khẩu	Hộ	Khẩu			
	TỔNG CỘNG:	2.306	8.858	14.108	50.029	18.846	66.698	26.498	94.989			
A	Lưu vực sông Vệ	176	665	3.159	10.695	6.506	21.617	7.198	23.886			
I	Huyện Ba Tư	4	13	35	129	65	239	65	239			
										Ưu tiên bố trí xen ghép và tại Trường học, UBND xã, Trạm Y tế xã	- Đội xung kích PCTT xã (40 - 50 người/ xã) - Các lực lượng huyện (Quân sự, Công an): 40 người; - Bộ Chỉ huy Quân sự tỉnh: 300 người (sdt: 3822.738) - Sư đoàn BB307/QK5 (40 người), SDT: 764.115	- Chỉ huy hiện trường: ông Phạm Giang Nam, Phó Chủ tịch UBND huyện, PTB BCH PCTT và TKCN huyện (SDT: 0913.418.400). - Phối hợp: ông Võ Văn Bá, Chỉ huy trưởng BCH Quân sự tỉnh (SDT: 0905.336.625); - Tại xã: Chủ tịch UBND các xã.
	1 Xã Ba Đông	4	13	35	129	65	239	65	239			
II	Huyện Mộ Đức			2.103	7.361	4.357	15.250	4.357	15.250			
1	Xã Đức Phú			240	840	520	1.820	520	1.820	Ưu tiên bố trí xen ghép và tại Trường học, UBND xã, Trạm Y tế xã	- Đội xung kích PCTT xã (40 - 50 người/ xã); - Các lực lượng huyện (Quân sự, Công an, Biên phòng): 50 người; - Sư đoàn BB10/QĐ3 (250 người), SDT: 738115. - Sư đoàn BB307/QK5 (40 người), SDT: 764.115	- Chỉ huy hiện trường: ông Phạm Ngọc Lân, Chủ tịch UBND huyện, TB BCH PCTT và TKCN huyện (SDT: 0914.011.001) - Phối hợp: ông Phạm Minh Đức - PGD Sở Y tế (SDT: 0914.182.908); - Tại xã: Chủ tịch UBND các xã, thị trấn.
2	Xã Đức Hòa			409	1.432	500	1.750	500	1.750			
3	Xã Đức Tân			165	578	338	1.183	338	1.183			
4	Xã Đức Phong			120	420	332	1.162	332	1.162			
5	Xã Đức Thắng			165	578	406	1.421	406	1.421			
6	Xã Đức Lợi			227	795	580	2.030	580	2.030			
7	Xã Đức Nhuận			127	445	333	1.167	333	1.167			
8	Xã Đức Thạnh			90	315	287	1.003	287	1.003			
9	Xã Đức Hiệp			300	1.050	424	1.484	424	1.484			
10	Xã Đức Chánh			131	459	300	1.050	300	1.050			
11	Thị trấn Mộ Đức			82	287	175	613	175	613			
12	Xã Đức Lân			47	165	162	567	162	567			

1 (SỐ CHỮ ẢNH)

TT	Địa điểm	BD3		BD3+ 1m		BD3 + 2m		Lịch sử		Nơi đến	Lực lượng ứng phó	Người chỉ huy/ chức vụ
		Hộ	Khẩu	Hộ	Khẩu	Hộ	Khẩu	Hộ	Khẩu			
III	Huyện Nghĩa Hành	128	528	780	2.264	1.695	4.682	2.387	6.951			
1	Hành Tín Đông	25	67	70	187	150	450	191	592	Ưu tiên bố trí xen ghép và tại Trường học, UBND xã, Trạm Y tế xã	- Đội xung kích PCTT xã (40 - 50 người/ xã); - Các lực lượng huyện (Quân sự, Công an); 40 người; - Lữ đoàn CB7/QĐ3 (100 người), SDT: 734815 (TBTC); fax: 734821 - Bộ Chỉ huy Quân sự tỉnh: 300 người (SDT: 3822.738)	- Chỉ huy hiện trường: ông Đinh Xuân Sâm, Chủ tịch UBND huyện, TB BCH PCTT và TKCN huyện (SDT: 0914.113.898) - Phối hợp: ông Lê Nhân - PGD Sở Giao thông vận tải (SDT: 0917.983.979); - Tại xã: Chủ tịch UBND các xã, thị trấn.
2	Hành Tín Tây	35	85	87	174	132	348	294	1.045			
3	Hành Thiện			73	192	73	192	135	370			
4	Hành Thịnh			78	295	147	370	249	500			
5	Hành Phước			26	70	193	479	232	521			
6	Hành Đức	40	135	98	322	139	484	145	518			
7	Hành Trung			15	32	43	98	62	165			
8	Hành Minh			55	145	235	601	301	758			
9	Hành Dũng			62	152	271	677	301	744			
10	Hành Nhân			55	186	130	369	198	732			
11	Hành Thuận	28	241	103	379	122	461	177	741			
12	Thị Trấn Chợ Chùa			58	130	60	153	102	265			
IV	Huyện Tư Nghĩa	44	124	241	941	389	1.446	389	1.446			
1	Thị trấn Sông Vệ			54	250	54	250	54	250	Ưu tiên bố trí xen ghép và tại Trường học, UBND xã, Trạm Y tế xã	- Đội xung kích PCTT xã (40 - 50 người/ xã); - Các lực lượng huyện (Quân sự, Công an); 40 người;	- Chỉ huy hiện trường: ông Nguyễn Đăng Vinh, chủ tịch UBND huyện; Trưởng ban BCH PCTT và TKCN huyện (SDT: 0979.699.226) - Phối hợp: ông Lê Văn VIN, Phó Bí thư Tỉnh đoàn Quảng Ngãi (SDT: 0914.775.995) - Tại xã: Chủ tịch UBND các xã, thị trấn.
2	Thị trấn La Hà			63	261	71	286	71	286			
3	Xã Nghĩa Hòa			47	203	100	419	100	419			
4	Xã Nghĩa Mỹ	44	124	77	227	164	491	164	491			
B	LV sông Trà Bồng	122	466	5.725	20.146	5.725	20.146	10.723	38.164			
I	Huyện Trà Bồng	122	466	122	466	122	466	122	466			

TT	Địa điểm	BD3		BD3+ 1m		BD3 + 2m		Lịch sử		Nơi đến	Lực lượng ứng phó	Người chỉ huy/ chức vụ
		Hộ	Khẩu	Hộ	Khẩu	Hộ	Khẩu	Hộ	Khẩu			
1	Xã Trà Bình	51	207	51	207	51	207	51	207	Ưu tiên bố trí xen ghép và tại Trường học, UBND xã, Trạm Y tế xã	- Đội xung kích PCTT xã (40 - 50 người/ xã); - Các lực lượng huyện (Quản sự, Công an): 50 người; - Sư đoàn BB315/QK5 (100 người), SDT: 715.115	- Chỉ huy hiện trường: ông Trần Anh Ngọc, Chủ tịch UBND huyện, TB BCH PCTT và TKCN huyện (SDT: 0914.226.744) - Phối hợp: ông Lê Xuân Hưng - PGD Công an tỉnh (SDT: 0913.470.135); - Tại xã: Chủ tịch UBND các xã, thị trấn.
2	Xã Trà Phú	71	259	71	259	71	259	71	259			
II	Huyện Bình Sơn			5.603	19.680	5.603	19.680	10.601	37.698			
1	Xã Bình Minh	802	3.216	802	3.216	802	3.216	2.100	8.548	Ưu tiên bố trí xen ghép và tại Trường học, UBND xã, Trạm Y tế xã	- Đội xung kích PCTT xã (40 - 50 người/ xã); - Các lực lượng huyện (Quản sự, Biên phòng, Công an): 60 người; - Bộ Chỉ huy Bộ đội Biên phòng tỉnh (120 người), SDT: 3820.469, Fax: 3714.321 (đối với các xã ven biển); - Bộ Chỉ huy Quản sự tỉnh: 300 người (SDT: 3822.738) - Sư đoàn BB315/QK5 (150 người), SDT: 715.115 (đối với các xã đồng bằng) - Lữ đoàn CB270/QK5 (25 người), SDT: 713.506	- Chỉ huy hiện trường: ông Võ Văn Đồng, Chủ tịch UBND huyện, TB BCH PCTT và TKCN huyện - (SDT: 0913.078.867) - Phối hợp: ông Đỗ Ngọc Nam, Chỉ huy trưởng Bộ Chỉ huy Bộ đội Biên phòng tỉnh (SDT: 0982.256.783); - Tại xã: Chủ tịch UBND các xã, thị trấn.
2	Bình Hòa	33	118	33	118	33	118	156	502			
3	Bình Hiệp	303	1.209	303	1.209	303	1.209	303	1.209			
4	Bình Tân Phú	896	2.849	896	2.849	896	2.849	939	3.765			
5	Bình Thành	103	304	103	304	103	304	609	2.414			
6	Bình Chánh	273	878	273	878	273	878	484	1.593			
7	Bình Thuận	98	490	98	490	98	490	150	500			
8	Bình Trị	50	250	50	250	50	250	90	365			
9	Bình Thanh	50	235	50	235	50	235	60	250			
10	Bình An	24	117	24	117	24	117	68	268			
11	Bình Khương	56	170	56	170	56	170	56	170			
12	Bình Trung	119	443	119	443	119	443	442	1.428			
13	Bình Mỹ	844	2.782	844	2.782	844	2.782	1.152	3.757			
14	Bình Chương	450	1.820	450	1.820	450	1.820	800	3.265			
15	Bình Long	55	163	55	163	55	163	109	346			
16	Bình Nguyễn	45	170	45	170	45	170	200	815			
17	Bình Đông	70	314	70	314	70	314	810	2.738			
18	Bình Phước	54	212	54	212	54	212	75	261			
19	Bình Dương	527	1.532	527	1.532	527	1.532	1.033	2.173			
20	Bình Hải	70	350	70	350	70	350	100	450			
21	Bình Châu	80	260	80	260	80	260	120	550			
22	Thị trấn Châu Ô	601	1.798	601	1.798	601	1.798	745	2.331			
C	LV sông Trà Cầu	689	2.455	1.043	3.662	1.175	4.126	1.748	6.122			
I	Thị xã Đức Phổ	689	2.455	1.043	3.662	1.175	4.126	1.748	6.122			

TT	Địa điểm	BD3		BD3+ 1m		BD3 + 2m		Lịch sử		Nơi đến	Lực lượng ứng phó	Người chỉ huy/ chức vụ
		Hộ	Khẩu	Hộ	Khẩu	Hộ	Khẩu	Hộ	Khẩu			
1	Phường Phổ Minh	128	398	233	780	253	796	447	1.395	Ưu tiên bố trí xen ghép và tại Trường học, UBND xã, Trạm Y tế xã	- Đội xung kích PCTT xã (40 - 50 người/ xã);	- Chỉ huy hiện trường: ông Vũ Minh Tâm, Chủ tịch UBND thị xã, TB BCH PCTT và TKCN huyện (SDT: 0983.972.816)
2	Phường Phổ Văn	386	1.543	502	2.006	598	2.399	598	2.399		- Các lực lượng huyện (Quân sự, Công an, Biên phòng): 50 người;	
3	Xã Phổ Châu	26	109	26	109	26	109	26	109		- Sư đoàn BB307/QK5 (40 người), SDT: 764.115	
4	Phường Phổ Quang	12	48	28	123	36	152	149	626		- Cảnh sát biển 2 (20 người): SDT: 714815, Fax: 714816;	
5	Phường Phổ Vinh	31	145	74	186	82	212	85	222		- Bộ Chỉ huy Quân sự tỉnh: 300 người (SDT: 3822.738)	
6	Phường Phổ Ninh			74	246	74	246	74	246			
7	Phường Phổ Hòa	106	212	106	212	106	212	369	1.125			
8	Xã Phổ An			3	6	3	6	161	531			
9	Phường Nguyễn Nghiêm			9	35	9	35	33	130			
10	Xã Phổ Nhon			25	176	25	176	142	859			
11	Xã Phổ Khánh			146	584	146	584	146	584	Ưu tiên bố trí xen ghép và tại Trường học, UBND xã, Trạm Y tế xã		- Chỉ huy hiện trường: ông Nguyễn Mạnh Cường, Chủ tịch UBND huyện, TB BCH PCTT và TKCN huyện (SDT: 0914.241.478)
12	Phường Phổ Thành							148	679			
13	Xã Phổ Cường							59	174			
14	Xã Phổ Phong							196	783			
D	LV sông Trà Khúc	1.319	5.272	4.181	15.526	5.440	20.809	6.829	26.817			
I	Huyện Sơn Tịnh	828	3.083	1.134	4.018	1.613	6.225	1.688	7.804			
1	Xã Tịnh Giang	24	93	36	105	52	203	74	286	Ưu tiên bố trí xen ghép và tại Trường học, UBND xã, Trạm Y tế xã	- Đội xung kích PCTT xã (40 - 50 người/ xã);	- Chỉ huy hiện trường: ông Nguyễn Mạnh Cường, Chủ tịch UBND huyện, TB BCH PCTT và TKCN huyện (SDT: 0914.241.478)
2	Xã Tịnh Đông	235	848	235	848	235	848	235	848		- Các lực lượng huyện (Quân sự, Công an): 40 người;	
3	Xã Tịnh Minh	109	237	109	237	109	237	109	237		- Sư đoàn BB315/QK5 (100 người), SDT: 715.115	
4	Xã Tịnh Bắc	93	344	289	1.013	289	1.013	289	1.013			
5	Xã Tịnh Sơn	105	503	127	595	135	627	174	816			
6	Xã Tịnh Hà	46	229	77	345	524	2.376	532	3.660			
8	Xã Tịnh Trà	87	328	87	328	87	328	87	328			
10	Xã Tịnh Thọ	108	415	145	444	145	444	145	444			
11	Xã Tịnh Phong	21	86	29	103	37	149	43	172			
II	TP. Quảng Ngãi	394	1.846	1.565	5.965	2.127	8.142	3.441	12.571	Ưu tiên bố trí xen ghép và tại Trường học, UBND xã, Trạm Y tế xã, phường, khách sạn	- Đội xung kích PCTT (50 người)	- Chỉ huy hiện trường: ông Hà Hoàng Việt Phương, Chủ tịch UBND thành phố, TB BCH PCTT và TKCN thành phố (SDT: 0914.128.888).
1	Xã Tịnh An	13	23	124	341	150	389	150	389			
2	Xã Nghĩa An	22	104	32	146	66	298	66	298			
3	Xã Tịnh Long	46	159	46	159	72	242	72	242			
4	Xã Tịnh Khê							180	694			
5	Xã Tịnh Thiện							286	1.211			
6	Xã Nghĩa Dũng					230	742	480	1.059			

TT	Địa điểm	BD3		BD3+ 1m		BD3 + 2m		Lịch sử		Nơi đến	Lực lượng ứng phó	Người chỉ huy/ chức vụ
		Hộ	Khẩu	Hộ	Khẩu	Hộ	Khẩu	Hộ	Khẩu			
7	Xã Nghĩa Đông	28	75	34	93	48	161	88	410		Hải Quân (25 người) SDT: 778245; Fax: 778307;	- Phối hợp: ông Nguyễn Hữu Hùng, Phó Giám đốc Sở Xây dựng (SDT: 0913.447.135).
8	P. Trương Quang Trọng	285	1.485	684	2.968	684	2.968	684	2.968		- Bộ Chỉ huy Quân sự tỉnh: 300 người (SDT: 3822.738)	- Tọa xã, phường: Chủ tịch UBND các xã, phường.
9	Xã Tĩnh Ân Đông							477	1.689			
10	Xã Tĩnh Ân Tây			153	608	153	608	153	608			
11	Xã Nghĩa Hà			147	442	147	442	147	442			
12	P. Nghĩa Chánh					74	269	145	510			
13	Xã Tĩnh Thiện			165	712	165	712	165	712			
14	Xã Tĩnh Châu			113	369	113	369	113	369			
15	Xã Nghĩa Phú			67	127	94	431	94	431			
16	P. Trần Phú					5	17	15	45			
17	P. Lê Hồng Phong					126	494	126	494			
III Huyện Sơn Hà				1.285	4.791	1.322	4.956	1.322	4.956			
1	Xã Sơn Bao			2	7	2	7	2	7	Ưu tiên bố trí xen ghép và tại	- Đội xung kích PCTT xã (40 - 50 người/ xã);	- Chỉ huy hiện trường: Bà Đinh Thị Trà, Chủ tịch UBND huyện, TB BCH PCTT và TKCN huyện (SDT: 0914.482.487)
2	Xã Sơn Hải			32	110	32	110	32	110	Trường học,	- Các lực lượng huyện (Quân sự, Công an): 50 người;	- Phối hợp: ông Nguyễn Quốc Tân - Phó Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường (SDT: 0903.581.810);
3	Xã Sơn Kỳ			9	36	9	36	9	36	UBND xã, Trạm		- Tọa xã: Chủ tịch UBND các xã, thị trấn.
4	Xã Sơn Giang			140	461	165	583	165	583	Y tế xã		
5	Xã Sơn Linh			567	2.120	567	2.120	567	2.120			
6	Xã Sơn Trung			67	265	67	265	67	265			
7	Xã Sơn Nham			147	507	147	507	147	507			
8	Xã Sơn Ba			24	76	24	76	24	76			
9	Xã Di Lăng			246	997	246	997	246	997			
10	Xã Sơn Hạ			4	18	16	61	16	61			
11	Xã Sơn Thủy			47	194	47	194	47	194			
12	Xã Sơn Cao			27	93	27	93	27	93			
13	Xã Sơn Thành			23	72	23	72	23	72			
IV Huyện Tư Nghĩa		97	343	197	752	378	1.486	378	1.486			
										Ưu tiên bố trí xen ghép và tại	- Đội xung kích PCTT xã (40 - 50 người/ xã);	- Chỉ huy hiện trường: ông Nguyễn Đăng Vinh, chủ tịch UBND huyện; Trưởng ban BCH PCTT và TKCN huyện (SDT: 0979.699.226)
1	Xã Nghĩa Điền	22	83	122	492	303	1.226	303	1.226	Trường học, UBND xã, Trạm Y tế xã	- Các lực lượng huyện (Quân sự, Công an): 40 người;	- Phối hợp: ông Lê Văn

TT	Địa điểm	BD3		BD3+ 1m		BD3 + 2m		Lịch sử		Nơi đến	Lực lượng ứng phó	Người chỉ huy/ chức vụ
		Hộ	Khẩu	Hộ	Khẩu	Hộ	Khẩu	Hộ	Khẩu			
2	Xã Nghĩa Sơn	75	260	75	260	75	260	75	260			Vin, Phó Bí thư Tỉnh đoàn Quảng Ngãi (SDT: 0914.775.995) - Tại xã: Chủ tịch UBND các xã

Biểu 12: Kế hoạch di dời, sơ tán dân phòng tránh sạt lở đất
(Kèm theo Phương án UPTT và TKCN tỉnh Quảng Ngãi năm 2021)

TT	Địa điểm	Số dân cần di dời		Nơi đến	Lực lượng ứng phó	Người chủ huy
		Hộ	Khẩu			
	TỔNG CỘNG	4.543	16.928			
I	Huyện Minh Long	33	126			
1	Xã Long Mai	14	55	Ưu tiên bố trí xen ghép và tại trường học, thôn văn hóa	Đội xung kích PCTT xã 40 người	- Chỉ huy hiện trường: ông Đinh Văn Diết, Chủ tịch UBND huyện, TB BCH PCTT và TKCN huyện (SDT: 0911.434.589). - Phối hợp: ông Trần Sỹ - Phó Giám đốc Sở Giáo dục và Đào tạo (SDT: 0913.427.605) - Tại xã: Chủ tịch UBND các xã.
2	Xã Thanh An	19	71			
II	Huyện Ba Tơ	940	3.476			
1	Xã Ba Đông	70	261	Ưu tiên bố trí xen ghép và tại Trường học,	- Đội xung kích PCTT xã (40 - 50 người/ xã)	- Chỉ huy hiện trường: ông Phạm Giang Nam, Phó Chủ tịch UBND huyện, PTB BCH PCTT và TKCN huyện (SDT: 0913.418.400).
2	Xã Ba Bích	32	120	UBND xã, Trạm Y tế xã	- Các lực lượng huyện (Quân sự, Công an): 40 người;	- Phối hợp: ông Võ Văn Bá, Chỉ huy trưởng BCH Quân sự tỉnh (SDT: 0905.336.625);
3	Xã Ba Khâm	60	197		- Bộ Chỉ huy Quân sự tỉnh: 300 người (sdt: 3822.738)	- Tại xã: Chủ tịch UBND các xã.
4	Xã Ba Tiêu	21	72			
5	Xã Ba Nam	8	32			
6	Xã Ba Lễ	96	381			
7	Xã Ba Vinh	137	517			
8	Xã Ba Liên	15	47			
9	Xã Ba Ngạc	140	529			
10	Xã Ba Giang	92	375			
11	Xã Ba Thành	25	96			
12	Xã Ba Cung	56	192			
13	Xã Ba Trang	23	81			
14	Xã Ba Xa	52	174			
15	Xã Ba Điền	28	109			
16	Thị trấn Ba Tơ	10	36			
17	Xã Ba Dinh	19	65			
18	Xã Ba Tô	56	192			
III	Huyện Trà Bồng	765	3.190			
1	Xã Trà Sơn	25	106	Ưu tiên bố trí xen ghép	- Đội xung kích PCTT xã (40 - 50 người/ xã);	- Chỉ huy hiện trường: ông Trần Anh Ngọc, Chủ tịch UBND huyện, TB BCH PCTT và TKCN
2	Xã Trà Hiệp	55	268	và tại Trường học,		

TT	Địa điểm	Số dân cần di dời		Nơi đến	Lực lượng ứng phó	Người chỉ huy
		Hộ	Khẩu			
3	Xã Trà Thủy	15	49	UBND xã, Trạm Y tế xã	- Các lực lượng huyện (Quân sự, Công an): 50 người; - Bộ Chỉ huy Quân sự tỉnh: 400 người (sdt: 3822.738)	huyện (SDT: 0914.226.744) - Phối hợp: ông Lê Xuân Hưng - PGD Công an tỉnh (SDT: 0913.470.135); - Tại xã: Chủ tịch UBND các xã, thị trấn.
4	Xã Trà Lâm	59	224			
5	Xã Trà Bùi	35	172			
6	Xã Trà Giang	16	69			
7	Xã Trà Phong	260	1.010			
8	Xã Trà Thanh	134	693			
9	Xã Trà Xinh	124	437			
10	Xã Sơn Trà	101	467			
11	Xã Trà Tây	128	405			
12	Xã Trà Tân	42	162			
IV	Huyện Sơn Tây	352	1.381			
1	Xã Sơn Dung	138	543	Ưu tiên bố trí xen ghép và tại Trường học, UBND xã, Trạm Y tế xã	- Đội xung kích PCTT xã (40 - 50 người/ xã); - Các lực lượng huyện (Quân sự, Công an): 40 người;	- Chỉ huy hiện trường: ông Nguyễn Ngọc Trần, Chủ tịch UBND huyện, TB BCH PCTT và TKCN huyện (SDT: 0913.470.499) - Phối hợp: ông Nguyễn Đức Huy - PGD Sở Công Thương (SDT: 0916.009.768); - Tại xã: Chủ tịch UBND các xã.
2	Xã Sơn Long	43	172			
3	Xã Sơn Liên	59	247			
4	Xã Sơn Bua	54	209			
5	Xã Sơn Mùa	12	29			
6	Xã Sơn Tinh	46	181			
V	Huyện Sơn Hà	324	1.439			
1	Xã Sơn Thành	85	340	Ưu tiên bố trí xen ghép và tại Trường học, UBND xã, Trạm Y tế xã	- Đội xung kích PCTT xã (40 - 50 người/ xã); - Các lực lượng huyện (Quân sự, Công an): 50 người; - Bộ Chỉ huy Quân sự tỉnh: 300 người (sdt: 3822.738)	- Chỉ huy hiện trường: Bà Đinh Thị Trà, Chủ tịch UBND huyện, TB BCH PCTT và TKCN huyện (SDT: 0914.482.487) - Phối hợp: ông Nguyễn Quốc Tân - Phó Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường (SDT: 0903.581.810); - Tại xã: Chủ tịch UBND các xã, thị trấn.
2	Xã Sơn Kỳ	6	22			
3	Xã Sơn Thượng	28	120			
4	Xã Sơn Ba	55	202			
5	Xã Di Lăng	60	385			
6	Xã Sơn Cao	12	50			
7	Xã Sơn Giang	29	106			
8	Xã Sơn Bao	20	96			
9	Xã Sơn Hà	7	27			
10	Xã Sơn Nhâm	14	56			
11	Xã Sơn Trung	5	23			
11	Xã Sơn Thủy	3	12			
VI	Huyện Sơn Tịnh	167	611			
1	Tỉnh Giang	3	15	Ưu tiên bố trí xen ghép và tại Trường học,	Đội xung kích PCTT xã (40 - 50 người/ xã);	- Chỉ huy hiện trường: ông Nguyễn Mạnh Cường, Chủ tịch UBND huyện, TB BCH PCTT
2	Tỉnh Đông	133	479			

TT	Địa điểm	Số dân cần di dời		Nơi đến	Lực lượng ứng phó	Người chỉ huy
		Hộ	Khẩu			
3	Tỉnh Bắc	6	22	UBND xã, Trám Y tế xã	- Các lực lượng huyện (Quân sự, Công an): 40 người; - Sư đoàn BB315/QK5 (350)	và TKCN huyện (SDT: 0914.241.478) - Phối hợp: ông Nguyễn Văn Luyện - GD Sở Tài chính (SDT: 0913.427.920);
4	Tỉnh Sơn	22	83			
5	Tỉnh Phong	3	12			
VII	Huyện Lý Sơn	95	350			
	Thôn Đông An Hải Khu 773	95	350	Ưu tiên bố trí xen ghép và tại Trường học, Nhà văn hoá, trụ sở cơ quan	- Đội xung kích PCTT (50 người) - Các lực lượng huyện (Quân sự, Công an, Biên phòng): 50 người;	- Chỉ huy hiện trường: Bà Phạm Thị Hương, Chủ tịch UBND huyện, TB BCH PCTT và TKCN huyện (SDT: 0985.075.258); - Phối hợp: ông Đỗ Ngọc Nam, Chỉ huy trưởng Bộ Chỉ huy Bộ đội Biên phòng tỉnh (SDT: 0982.256.783).
VIII	TP. Quảng Ngãi	176	607			
1	Xã Nghĩa An	25	117	Ưu tiên bố trí xen ghép và tại Trường học, UBND xã, Trám Y tế xã	- Đội xung kích PCTT (50 người) - Các lực lượng huyện (Quân sự, Công an, Biên phòng): 50 người;	- Chỉ huy hiện trường: ông Hà Hoàng Việt Phương, Chủ tịch UBND thành phố, TB BCH PCTT và TKCN thành phố (SDT: 0914.128.888). - Phối hợp: ông Nguyễn Hữu Hồng, Phó Giám đốc Sở Xây dựng (SDT: 0913.447.135). - Tại xã, phường: Chủ tịch UBND các xã, phường.
2	Xã Tịnh Khê	100	320			
3	Xã Tịnh An	22	70			
4	Xã Tịnh Ấn Đông	18	59			
5	P. Trương Quang Trọng	11	41			
IX	Huyện Mộ Đức	112	394			
1	Xã Đức Phú	16	57	Ưu tiên bố trí xen ghép và tại Trường học, UBND xã, Trám Y tế xã	- Đội xung kích PCTT xã (40 - 50 người/ xã); - Các lực lượng huyện (Quân sự, Công an, Biên phòng): 50 người;	- Chỉ huy hiện trường: ông Phạm Ngọc Lân, Chủ tịch UBND huyện, TB BCH PCTT và TKCN huyện (SDT: 0914.011.001). - Phối hợp: ông Phạm Minh Đức - Phó Giám đốc Sở Y tế (SDT: 0914.182.908); - Tại xã: Chủ tịch UBND các xã, thị trấn.
2	Xã Đức Thắng	15	53			
3	Xã Đức Lợi	75	263			
4	Xã Đức Chánh	6	21			
X	Huyện Bình Sơn	942	3.419			
1	Xã Bình Tân Phú	286	1.158	Ưu tiên bố trí xen ghép và tại Trường học, UBND xã, Trám Y tế xã	- Đội xung kích PCTT xã (40 - 50 người/ xã); - Các lực lượng huyện (Quân sự, Biên phòng, Công an): 60 người;	- Chỉ huy hiện trường: ông Võ Văn Đồng, Chủ tịch UBND huyện, TB BCH PCTT và TKCN huyện - (SDT: 0913.078.867) - Phối hợp: ông Đỗ Ngọc Nam, Chỉ huy trưởng Bộ Chỉ huy Bộ đội Biên phòng tỉnh (SDT: 0982.256.783);
2	Xã Bình Trị	15	50			
3	Xã Bình Mỹ	154	476			
4	Xã Bình Phước	17	46			
5	Xã Bình Thạnh	99	373			
6	Xã Bình Hòa	63	220			

TT	Địa điểm	Số dân cần di dời		Nơi đến	Lực lượng ứng phó	Người chỉ huy
		Hộ	Khẩu			
7	Xã Bình Thuận	82	300			
8	Xã Bình Hải	217	763		Fax: 3714.321	- Tại xã: Chủ tịch UBND các xã, thị trấn.
9	Thị trấn Châu Ổ	9	33			
XI	Huyện Tư Nghĩa	357	951			
1	xã Nghĩa Hiệp	350	925	Nhà văn hoá xã	- Đội xung kích PCTT (50 người) - Các lực lượng huyện (Quân sự, Công an, Biên phòng): 50 người;	- Chỉ huy hiện trường: ông Nguyễn Đăng Vinh, chủ tịch UBND huyện; Trưởng ban BCH PCTT và TKCN huyện (SDT: 0979.699.226) - Phối hợp: ông Lê Văn Vinh, Phó Bí thư Tỉnh đoàn Quảng Ngãi (SDT: 0914.775.995) - Tại xã: Chủ tịch UBND các xã, thị trấn.
2	xã Nghĩa Điền	7	26			
XII	Thị xã Đức Phổ	38	134			
1	xã Phò Phong	8	13	Nhà kiên cố trong thôn, trụ sở xã...	- Đội xung kích PCTT (50 người) - Các lực lượng huyện (Quân sự, Công an, Biên phòng): 50 người;	- Chỉ huy hiện trường: ông Vũ Minh Tâm, Chủ tịch UBND thị xã, TB BCH PCTT và TKCN huyện (SDT: 0983.972.816) - Phối hợp: ông Nguyễn Xuân Bắc - Phó Giám đốc Sở Kế hoạch và Đầu tư (SDT: 0914.120.317); - Tại xã, phường: Chủ tịch UBND các xã, phường.
2	xã Phò Nhơn	30	121			
XIII	Nghĩa Hành	242	850			
1	Hành Tâm Đông	52	185	Ưu tiên bố trí xen ghép và tại Trường học, UBND xã, Trạm Y tế xã	- Đội xung kích PCTT xã (40 - 50 người/ xã); - Các lực lượng huyện (Quân sự, Công an, Biên phòng): 50 người;	Chỉ huy hiện trường: ông Đinh Xuân Sâm, Chủ tịch UBND huyện, TB BCH PCTT và TKCN huyện (SDT: 0914.113.898) - Phối hợp: ông Lê Nhân - Phó Giám đốc Sở Giao thông vận tải (SDT: 0917.983.979); - Tại xã: Chủ tịch UBND các xã, thị trấn.
2	Hành Tâm Tây	67	298			
3	Hành Thiện	18	93			
4	Hành Dũng	58	135			
5	Hành Phước	13	30			
6	Hành Đức	34	109			